

Số: 101 /KH-UBND

Quận 5, ngày 26 tháng 4 năm 2021

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Q.5

ĐẾN Ngày: 27.4.21

Chuyển:

Hồ Sơ:

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn quận

Lê Thanh Hải

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 06 năm 2001 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Căn cứ Công văn số 740/UBND-NCPC ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Căn cứ Kế hoạch số 622/KH-CATP-PC07 ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an về công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ trong Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy ban nhân dân Quận 5 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 136/2020/NĐ-CP trên địa bàn quận, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các hướng dẫn của Bộ Công an và Công an Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo kịp thời, đồng bộ và thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về phòng cháy chữa cháy (PCCC) trên địa bàn quận, từ đó nâng cao trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc và cán bộ được phân công phụ trách lĩnh vực công tác có liên quan.

2. Nhằm kịp thời thực hiện hiệu quả chức năng quản lý Nhà nước về công tác về PCCC của Ủy ban nhân dân cấp phường theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

3. Xác định rõ nội dung công việc, tiến độ thực hiện và phân công, phân cấp trách nhiệm cụ thể trong công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) của các đơn vị thuộc Quận 5 theo quy định của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; Tập trung triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giải quyết thủ tục hành chính cho cơ quan, tổ chức, người dân đảm bảo với đặc thù công tác của từng đơn vị.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; các hướng dẫn của Bộ Công an và Công an Thành phố đến các cơ quan, đơn vị, cơ sở, tổ chức và nhân dân trên địa bàn nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC&CNCH.

2. Tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH; trách nhiệm của các cấp, các ngành theo đúng quy định của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác PCCC&CNCH trên địa bàn.

3. Nghiên cứu, rà soát các văn bản pháp luật về PCCC&CNCH hiện hành, tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới theo thẩm quyền đảm bảo phù hợp với Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trực thuộc quận

- Tổ chức nghiên cứu, triển khai thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ các nội dung quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, đồng thời, tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị biết, thực hiện, nắm và xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức trong công tác PCCC&CNCH.

- Tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị định số 136/2020/NĐ-CP đến các cơ quan, đơn vị, cơ sở, tổ chức và nhân dân trên địa bàn nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC&CNCH.

- Nghiên cứu, rà soát các văn bản pháp luật về PCCC&CNCH hiện hành, tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới theo thẩm quyền đảm bảo phù hợp với Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

2. Công an quận

- Tham mưu Ủy ban nhân dân quận thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các văn bản, quy phạm pháp luật khác về PCCC&CNCH; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch này của các đơn vị.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân 14 phường, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức quán triệt, triển khai Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn của Bộ Công an và Công an Thành phố Hồ Chí Minh đến cán bộ chủ chốt các bộ phận chuyên môn cấp phường, nhất là việc tổ chức quản lý nhà nước về PCCC

trên địa bàn, cơ sở được giao quản lý nhà nước về PCCC; Đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền để mọi tổ chức, cá nhân biết thực hiện.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân quận hướng dẫn Ủy ban nhân dân 14 phường tổ chức thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý, kiểm tra an toàn về PCCC&CNCH đối với khu dân cư, hộ gia đình và các cơ sở quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Đồng thời lập danh sách các cơ sở trước đây do Công an quận quản lý về PCCC theo Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP bàn giao Ủy ban nhân dân 14 phường để thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về PCCC theo quy định.

- Rà soát, tập hợp những vướng mắc, bất cập trong thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về PCCC&CNCH để tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn quận.

- Phối hợp Ủy ban nhân dân 14 phường tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật về PCCC&CNCH, huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho cán bộ phụ trách PCCC các phường.

3. Ủy ban nhân dân 14 phường

- Tiếp nhận danh sách cơ sở trước đây do Công an quận quản lý nhà nước về PCCC theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP từ Công an Quận 5 và thực hiện trách nhiệm quản lý về PCCC. Tiếp tục tổ chức rà soát bổ sung các cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP trên địa bàn quản lý để thực hiện công tác quản lý nhà nước về PCCC theo quy định.

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời và đúng quy định về trách nhiệm được quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP đến các bộ phận trực thuộc để nắm và thực hiện tốt trách nhiệm, chức năng quản lý nhà nước về PCCC&CNCH.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn các quy định về PCCC&CNCH đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- Thực hiện công tác kiểm tra an toàn PCCC&CNCH đối với khu dân cư, hộ gia đình, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh và cơ sở trên địa bàn quản lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 52 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

(có các phụ lục hướng dẫn đính kèm)

4. Phòng Văn hóa và Thông tin quận

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với Công an quận, Ủy ban nhân dân 14 phường và các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP đến các cơ quan, đơn vị, cơ sở, tổ chức và nhân dân trên địa bàn quận nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật về công tác PCCC&CNCH.

5. Phòng Tư pháp quận

- Phối hợp Công an quận và Ủy ban nhân dân 14 phường rà soát những vướng mắc, bất cập trong thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về công tác PCCC&CNCH để tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn quận. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về PCCC&CNCH cho các tổ chức và nhân dân trên địa bàn quận theo chức năng nhiệm vụ.

- Phối hợp với Công an quận tổ chức tập huấn, phổ biến giáo dục pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật về công tác PCCC&CNCH được tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trên địa bàn quận.

6. Phòng Tài chính - Kế hoạch quận

Tham mưu Ủy ban nhân dân Quận thực hiện trách nhiệm được quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác trong đầu tư ngân sách cho công tác PCCC&CNCH, trang bị phương tiện công tác PCCC&CNCH.

7. Phòng Quản lý đô thị quận

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan quản lý tốt công tác đầu tư xây dựng trên địa bàn quận, trong đó đảm bảo thực hiện nghiêm công tác PCCC&CNCH theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, quy hoạch xây dựng, thiết kế xây dựng mới, cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng dự án công trình phải tuân theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, việc lập đồ án quy hoạch, hồ sơ thiết kế xây dựng dự án, công trình theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP phải do đơn vị có đủ điều kiện theo quy định thực hiện và phải được thẩm duyệt thiết kế về công tác PCCC&CNCH.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ trên địa bàn quận, đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai, thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả. Định kỳ hàng năm **trước ngày 10/11** các đơn vị báo cáo kết quả triển khai thực hiện, nêu rõ khó khăn, vướng mắc, bất cập trong việc triển khai thực hiện Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các văn bản, quy phạm pháp luật khác về PCCC&CNCH về Ủy ban nhân dân Quận (qua Công an Quận 5) theo quy định để tập hợp báo cáo với các cấp có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- UBND.TP HCM;
- Công an/TP HCM;
- TT.QU-TT.HĐND-TT.UBND/Q5;
- Công an/Q5;
- Các phòng ban, đơn vị có liên quan;
- UBND 14 phường/Q5;
- VP. HĐND&UBND/Q5;
- Lưu: VT, CAQ. (7/b)



CHỦ TỊCH

Phạm Quốc Huy



PHỤ LỤC I

Hướng dẫn nội dung kiểm tra về PCCC&CNCH đối với nhà ở riêng lẻ, nhà ở kết hợp kinh doanh trên địa bàn
(ban hành kèm theo Kế hoạch số: 101 /KH-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 5)

I. Công tác phòng cháy và chữa cháy đối với nhà ở riêng lẻ

1. Đảm bảo đáp ứng điều kiện về phòng cháy và chữa cháy đối với hộ gia đình theo Điều 7 - Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

2. Nhà ở riêng lẻ phải duy trì các quy định an toàn phòng cháy, chữa cháy trong suốt quá trình sinh hoạt.

a) Lối thoát nạn

- Tài sản, vật chất, chất cháy phải được bố trí sắp xếp gọn gàng, không cản trở lối thoát nạn và đường thoát nạn, đảm bảo việc sơ tán người và tài sản nhanh chóng, an toàn khi xảy ra cháy.

- Nhà có tầng thượng phải bố trí thông thoáng, có lối lên từ tầng dưới qua các thang cố định; cửa thoát nạn ra ngoài vị trí cửa lên tầng mái nếu có bố trí khóa cửa thì phải thiết kế để có thể dễ dàng thao tác mở cửa từ bên trong.

- Nhà có thiết kế ban công, lô gia phải để thông thoáng; trường hợp lắp đặt lồng sắt, lưới sắt để bảo vệ thì trên lồng sắt phải bố trí cửa cánh có thể mở được ngay sau khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

- Không được xây bít ô thông tầng nhằm đảm bảo thoát khói tự nhiên.

b) Đảm bảo an toàn trong lắp đặt, sử dụng điện

- Công tác thiết kế, xây dựng mới hoặc cải tạo và sửa chữa hệ thống điện trong nhà ở riêng lẻ và nhà ở kết hợp kinh doanh, sản xuất buộc tuân thủ theo quy định QCVN 12:2014/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng”.

- Không lắp đặt đường dây dẫn điện và thiết bị tiêu thụ điện trên tường, vách, trần, sàn nhà có cấu tạo bằng vật liệu dễ cháy, lắp đặt các bóng điện chiếu sáng phải gắn vào các móc treo chuyên dùng, không treo trực tiếp bằng dây dẫn.

- Hệ thống điện trong nhà phải có thiết bị bảo vệ chống quá tải (cầu chì, aptomat...) cho hệ thống điện chung tòa nhà, từng tầng, từng nhánh và từng thiết bị tiêu thụ điện công suất lớn (điều hòa, bếp điện, lò nướng...). Khi lắp đặt thêm các thiết bị tiêu thụ điện phải tính toán để không gây quá tải cho hệ thống điện.

- Đường dây dẫn điện và các thiết bị điện hư hỏng phải được sửa chữa khắc phục ngay hoặc cắt nguồn điện hoặc các thiết bị không an toàn.

- Không dùng vật liệu dễ cháy như giấy, vải, nilon... để bao che bóng điện; không đặt các chất dễ cháy dưới các thiết bị, dụng cụ tiêu thụ điện như: bóng đèn, bàn ủi, bếp điện, ổ cắm điện, bảng điện...; không cắm dây dẫn điện trực tiếp vào ổ cắm; khi nối dây phải nối so le và quấn băng keo cách điện, không để hở các mối nối dây dẫn điện, không dùng nilon để bọc các mối nối.

c) Bảo đảm các điều kiện an toàn trong quản lý, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt.

- Phải để đèn cách xa tường, hàng và các vật dễ cháy ít nhất 0,50m; nếu treo phải cách xa ít nhất là 0,70m và phía trên trần có đặt tấm phản xạ nhiệt.

- Khu vực bếp nấu phải để xa vật liệu dễ cháy ít nhất 0,70m, nếu có tấm cách nhiệt ngăn cháy thì được phép để gần hơn, nhưng không dưới 0,2m. Khi đun nấu phải có người trông coi.

- Trường hợp trong nhà có thiết bị tiêu thụ LPG (bếp gas): tất cả các thiết bị điện trong nhà phải lắp đặt các chai gas tối thiểu 1,5m; không sử dụng bình xịt diệt côn trùng tại vị trí ngọn lửa khi đun nấu bằng bếp gas; khi phát hiện có mùi đặc trưng của LPG phải khóa ngay van bình và báo cho đại lý cung cấp gần nhất, không dùng lửa trần (bật lửa, diêm, đèn dầu, hương, nến...) hoặc bật công tắc thiết bị tiêu thụ điện vào thời điểm đó.

- Khu vực thắp hương thờ cúng: bố trí nơi thờ cúng hợp lý, tường phía đặt bàn thờ phải bằng vật liệu không cháy, phía trên trần có đặt tấm phản xạ nhiệt. Đèn dầu, hương, nến khi thắp phải đặt chắc chắn trên các vật liệu không cháy hoặc khó cháy, cách vật liệu dễ cháy ít nhất 0,7m. Khi thắp hương thờ cúng, đốt vàng mã phải có người trông coi.

- Khi hàn cắt kim loại phải đảm bảo giải pháp ngăn cháy, có biện pháp che chắn không để vảy hàn tiếp xúc với các chất dễ cháy, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện chữa cháy và phải có người giám sát, sẵn sàng chữa cháy trong suốt quá trình hàn cắt và sau khi cắt 30 phút.

3. Khuyến khích nhà ở riêng lẻ thực hiện các biện pháp sau nhằm tăng cường điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy.

- Không để nhiều đồ dùng, hàng hóa dễ cháy ở nơi đun nấu. Không dự trữ xăng, dầu, khí đốt và các chất lỏng dễ cháy ở trong nhà ở, trường hợp cần phải để dự trữ với số lượng ít nhất.

- Ô tô, xe máy và các phương tiện dụng cụ có xăng, dầu, chất lỏng dễ cháy ở trong nhà ở phải cách xa bếp đun nấu, nguồn sinh nhiệt, thiết bị chứa, xăng, dầu... phải kín.

- Không sử dụng gỗ, tấm nhựa, mút xốp... để ốp tường, trần, vách ngăn nhằm hạn chế cháy lan.

- Khi sử dụng bàn là, bếp điện, lò sấy... phải có người trông coi, không để trẻ nhỏ, người già mắt kém, người bị tàn tật, người bị tâm thần sử dụng các thiết bị điện.

- Đối với nhà chỉ có 01 lối thoát nạn, cần bố trí lối thoát nạn thứ 2 bằng cầu thang ngoài hoặc thang nối giữa các tầng nhà hoặc lối ra khẩn cấp như: lối qua ban công, lôgia, cầu thang ngoài nhà, lối lên sân thượng hoặc lên mái để có khả năng thoát nạn sang các nhà liền kề hoặc khu vực an toàn; trường hợp lắp đặt cửa cuốn cần phải có phương án mở cửa khi có sự cố cháy, nổ (sử dụng nguồn điện dự phòng hoặc dây kéo mở cửa).

- Đối với nhà không có ô thông tầng cần thiết kế, lắp đặt các lỗ cửa thoát khói tự nhiên trong nhà thông qua mái nhà, hành lang, gian phòng tại các tầng.

- Khuyến khích lắp đặt thiết bị cảnh báo rò rỉ gas tại khu vực sử dụng thiết bị tiêu thụ LPG (bếp gas), không sử dụng các bình gas, chai gas mini đã qua sử dụng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, sửa chữa, thay thế các thiết bị tiêu thụ điện hư hỏng, không đảm bảo an toàn.
- Trước khi ra khỏi nhà hoặc khi đi ngủ phải kiểm tra, tắt nguồn điện với các thiết bị tiêu thụ điện không sử dụng.
- Mỗi nhà riêng lẻ cần trang bị ít nhất 01 bình chữa cháy phù hợp với quy mô, điều kiện gia đình; bình chữa cháy phải bố trí nơi dễ thấy, dễ lấy và thuận tiện cho việc sử dụng kịp thời để xử lý sự cố cháy, nổ xảy ra.
- Các phương tiện phòng cháy và chữa cháy phải được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo quy định.

II. Phòng cháy và chữa cháy nhà ở kết hợp kinh doanh, sản xuất

1. Thực hiện các quy định về cháy và chữa cháy đối với nhà ở riêng lẻ.
2. Nhà ở kết hợp kinh doanh, sản xuất phải duy trì các quy định an toàn cháy và chữa cháy trong suốt quá trình hoạt động.

a) Lối thoát nạn

- Chiều rộng thông thủy của lối ra thoát nạn tối thiểu 0,8m, chiều cao thông thủy tối thiểu 1,9m.
- Không bố trí hàng hóa, vật liệu, chất nguy hiểm cháy, nổ trên lối thoát nạn của nhà, đặc biệt là sảnh, lối ra tại tầng 1 (tầng trệt).
- Các gian phòng tồn chứa hàng hóa, vật liệu dễ cháy hoặc sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt phải được ngăn cách với lối ra thoát nạn tại các tầng bằng vật liệu không cháy hoặc khó cháy.
- Trường hợp sử dụng tầng trệt (tầng 1) để sản xuất, kinh doanh thì lối ra qua cầu thang bộ tại tầng 1 phải bố trí lối đi an toàn có chiều rộng không nhỏ hơn 0,7m (ngăn cách với khu vực sản xuất, kinh doanh bằng vách ngăn cháy).

b) Đảm bảo an toàn trong lắp đặt, sử dụng điện

- Hệ thống điện phải được thiết kế riêng biệt giữa các khu vực khác nhau; trường hợp bên trong nhà có bảo quản, kinh doanh, sản xuất hàng hóa dễ cháy phải sử dụng loại dụng cụ điện, thiết bị điện loại an toàn cháy, nổ; thiết bị tiêu thụ điện trong kho phải được chống chế chung bằng thiết bị đóng ngắt tự động và đặt bên ngoài kho.
- Không để hàng hóa dễ cháy gần bóng điện, ổ cắm, cầu dao, chấn lưu đèn neon. Không bố trí hệ thống điện (dây dẫn, ổ cắm, thiết bị) sát gần các tường, sàn, trần, vách là các vật liệu dễ cháy.

c) Bảo đảm các điều kiện an toàn trong quản lý, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt

- Không bố trí nơi đun nấu, thờ cúng tại khu vực sản xuất, kinh doanh có chứa chất cháy, hàng dễ cháy.
- Khi điều kiện kinh doanh, sản xuất có sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt phải bố trí các vật liệu dễ cháy cách nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị sinh lửa ít nhất 0,7m, nếu có tấm cách nhiệt ngăn cháy thì được phép để gần hơn, nhưng không dưới 0,2m; khi điều kiện kinh doanh, sản xuất cần dự trữ xăng, dầu, khí đốt và các chất lỏng cháy thì phải để nơi thông thoáng, để tránh xa nguồn lửa, nguồn nhiệt, tránh ánh nắng trực tiếp và không để trên lối ra thoát nạn.

d) Bảo đảm an toàn trong sắp xếp hàng hóa

- Sắp xếp, bảo quản hàng hóa theo từng loại, có cùng tính chất, cùng đặc điểm, hàng hóa sắp xếp phải để trên bục kệ, giá vững chắc, gọn gàng, ngăn nắp, không cản trở lối đi, lối thoát nạn.

- Hàng hóa dễ cháy phải bố trí cách các thiết bị điện có khả năng sinh nhiệt như bóng đèn, ổ cắm, cầu dao... khu vực phát sinh nguồn lửa, nguồn nhiệt ít nhất 0,7m.

- Hàng hóa dễ cháy hoặc dễ bắt cháy cần bố trí trong khu vực, gian phòng riêng, không để lẫn với các hàng hóa khác và đảm bảo yêu cầu ngăn cháy lan.

- Loại trừ những điều kiện có thể dẫn đến tự cháy do phát sinh nhiệt, do tác dụng phản ứng hóa học giữa các chất với nhau.

- Không được tập kết hàng hóa, vật liệu làm ảnh hưởng đến việc triển khai lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến từng nhà.

đ) Việc lắp đặt biển hiệu, bảng quảng cáo gắn vào nhà ở hiện hữu có sẵn, phải được thực hiện theo đúng quy định pháp luật về quảng cáo, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời QCVN 17:2013/BXD; không được che chắn ban công, lôgia tạo thành phòng; đồng thời phải có giấy phép xây dựng đối với những công trình theo quy định phải có giấy phép xây dựng.

e) Trang bị phương tiện chữa cháy, cứu nạn cứu hộ

Đối với khu vực kinh doanh, sản xuất phải trang bị số lượng bình chữa cháy đảm bảo diện tích bảo vệ theo quy định của mục 5 tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 3890:2009 “Phương tiện cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng”.

3. Khuyến khích nhà ở kết hợp kinh doanh, sản xuất thực hiện các biện pháp sau nhằm tăng cường điều kiện an toàn cháy và chữa cháy.

- Thực hiện các biện pháp, giải pháp kỹ thuật để không chế và kiểm soát chặt chẽ nguồn lửa, nguồn nhiệt, nguồn sinh lửa, sinh nhiệt

- Trang bị, lắp đặt hệ thống cảnh báo cháy sớm kết nối Trung tâm chỉ huy chữa cháy của Công an thành phố.

- Cửa đi ra ngoài tại tầng 1 (tầng trệt) nên dùng cửa cánh, hạn chế lắp cửa trượt, cửa xếp, cửa cuốn. Trường hợp lắp đặt cửa cuốn cần có phương án mở cửa khi có sự cố cháy, nổ (sử dụng nguồn điện dự phòng hoặc dây kéo mở cửa).



PHỤ LỤC II

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ VÀ MỘT SỐ BIỂU MẪU THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

(ban hành kèm theo Kế hoạch số: 404/KH-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Quận 5)

Đối với Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy

- Khoản 1 Điều 4 quy định: “Cơ quan, tổ chức có thể có một hoặc nhiều cơ sở; trong phạm vi một cơ sở có thể có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động”. Theo quy định tại khoản này:

- Khoản 3 Điều 3 Luật Phòng cháy và chữa cháy, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy quy định “Cơ sở là nơi sản xuất, kinh doanh, công trình công cộng, trụ sở làm việc, khu chung cư và công trình độc lập khác theo danh mục do Chính phủ quy định”. Như vậy:

a) Đối với cơ quan, tổ chức có nhiều công trình (nơi sản xuất, kinh doanh, trụ sở làm việc ...) độc lập thì mỗi công trình độc lập xác định là một cơ sở, người đứng đầu (hoặc người được phân công quản lý) là người đứng đầu cơ sở.

b) Đối với cơ sở là một công trình độc lập bên trong có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật (giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hệ thống PCCC ...) thì người đứng đầu đơn vị chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị sở hữu cơ sở là người đứng đầu cơ sở.

c) Cơ quan, tổ chức thuê, mượn nhà, công trình độc lập của cơ sở hoặc toàn bộ cơ sở thì người đứng đầu đơn vị chủ đầu tư hoặc đứng đầu đơn vị sở hữu cơ sở cho thuê, mượn nhà, công trình là người đứng đầu cơ sở (người đứng đầu cơ quan, tổ chức thuê, mượn nhà, công trình độc lập của cơ sở hoặc toàn bộ cơ sở phải chịu trách nhiệm thực hiện quy định của pháp luật về PCCC trong phạm vi quản lý của mình).

d) Cơ quan, tổ chức mua (nhận chuyển nhượng quyền sở hữu) nhà, công trình độc lập của cơ sở thì xác định nhà, công trình đó là một cơ sở, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sở hữu là người đứng đầu cơ sở.

I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

Trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (cơ sở) được quy định tại Điều 5 Luật PCCC, được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

PCCC (Nghị định số 136/2020/NĐ-CP), Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC (Nghị định số 83/2017/NĐ-CP) và văn bản pháp luật khác có liên quan.

Căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC và quy mô, tính chất hoạt động, số lượng cán bộ, công nhân viên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở (người đứng đầu cơ sở) trực tiếp tổ chức thực hiện hoặc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH cho cá nhân, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện, cụ thể như sau:

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH; xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH (căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Luật PCCC; khoản 2 Điều 7 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

1.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06) và phê duyệt kinh phí tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH hằng năm.

- Việc tuyên truyền do cơ sở thực hiện hoặc đề nghị cơ quan Công an, cơ sở kinh doanh dịch vụ huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC thực hiện.

- Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng, tính chất nguy hiểm cháy, nổ của cơ sở và tập trung vào một số nội dung sau: Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH; tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ, sự cố, tai nạn; nội quy về PCCC, CNCH; kiến thức và kỹ năng thoát nạn, cứu nạn, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, CNCH... được trang bị tại cơ sở.

1.2. Tổ chức các hoạt động phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH thông qua các hình thức:

- Phát động thành phong trào thi đua thực hiện công tác PCCC và CNCH trong toàn cơ sở;

- Tổ chức thi đua giữa các đơn vị, bộ phận của cơ sở, trong đó có nội dung cam kết bảo đảm an toàn PCCC, phòng ngừa sự cố, tai nạn;

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày toàn dân PCCC (04/10), Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động hằng năm.

1.3. Cập nhật kết quả tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân PCCC, CNCH trong hồ sơ, tài liệu của cơ sở (tham khảo Mẫu số 01).

2. Thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành (căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP)

2.1. Ban hành văn bản quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC và CNCH đối với cơ sở thuộc Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (tham khảo Mẫu số 04). Lưu ý:

- Đối tượng không bắt buộc phải thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm:

+ Cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP (phải có phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở).

+ Trạm biến áp được vận hành tự động quy định tại điểm g khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

- Việc phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH cho người làm việc tại cơ sở bảo đảm theo quy định tại Điều 45 Luật PCCC, Điều 27 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và yêu cầu PCCC và CNCH của cơ sở.

2.2. Bố trí, hoạt động của đội PCCC cơ sở, chuyên ngành:

- Người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở: Là người làm việc thường xuyên tại cơ sở; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo pháp luật lao động; có Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH...

- Đội PCCC cơ sở, chuyên ngành hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.

2.3. Tổ chức thường trực chữa cháy, CNCH

- Bố trí địa điểm (trạm/gian phòng) bảo đảm đủ diện tích tối thiểu cho người và phương tiện, thiết bị chữa cháy, CNCH trực, làm việc.

- Có phương tiện, thiết bị phục vụ trực, nhận tin, báo cháy, sự cố, tai nạn, như: Bàn, ghế, điện thoại, bộ đàm; danh bạ điện thoại của cá nhân, đơn vị có liên quan; bản vẽ sơ đồ về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở; phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở...

- Bố trí số lượng đội viên trực trong 01 ca phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ: Trực tiếp nhận, xử lý thông tin; trực chữa cháy, trực CNCH; cơ sở được trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới thì bố trí số người trực phải đáp ứng đủ cơ sở người theo phương tiện chữa cháy cơ giới.

- Việc phân công lực lượng, phương tiện trực, bàn giao ca trực... cần được ghi nhận rõ trong sổ sách.

2.4. Định kỳ rà soát, kiện toàn người được phân công nhiệm vụ PCCC của cơ sở bảo đảm số lượng theo quy định (cập nhật trong văn bản).

3. Ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH (căn cứ pháp luật: khoản 1 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Điều 5 Thông tư số 08/2018/TT-BCA)

3.1. Ban hành nội quy PCCC, CNCH (tham khảo Mẫu số 05), nội dung phải đáp ứng các yêu cầu sau:

3.1.1. Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt phù hợp với cơ sở.

3.1.2. Quy định trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị PCCC, căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 và TCVN 3890.

3.1.3. Quy định những hành vi bị nghiêm cấm, căn cứ theo Điều 13 Luật PCCC.

3.1.4. Các hành vi bị nghiêm cấm căn cứ theo Điều 6 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

3.1.5. Những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra: Báo cháy, triển khai chữa cháy..., căn cứ theo Điều 14 Luật PCCC.

3.1.6. Những việc phải làm khi xảy ra sự cố, tai nạn, nội dung căn cứ theo khoản 1 Điều 13 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP;

3.1.7. Việc bảo quản, sử dụng trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ (Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP);

Lưu ý:

- *Nội quy về PCCC, CNCH có thể được ban hành chung trong một nội quy hoặc ban hành thành các nội quy riêng.*

- *Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...) thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).*

- *Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động: Người đứng đầu cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện nội quy PCCC, CNCH chung; người đứng đầu cơ quan tổ chức hoạt động trong phạm vi của cơ sở có trách nhiệm thực hiện nội quy của cơ sở và ban hành nội quy phù hợp với khu vực thuộc phạm vi quản lý.*

3.2. Ban hành sơ đồ chỉ dẫn về PCCC; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

3.3. Tổ chức thực hiện nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH:

- Phổ biến nội quy, quy định... cho CBCNV tại cơ sở.

- Niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành, trong đó: Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC niêm yết tại phòng nghỉ khách sạn, căn hộ (cửa gian phòng); tại vị trí bị che khuất hoặc giao nhau trên đường, lối thoát nạn; biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH niêm yết tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, LPG, hóa chất dễ cháy, nổ.

- Quyết định và nội quy được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH của cơ sở.

4. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH (Căn cứ pháp luật: Điều 45 Luật PCCC; khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/NĐ-CP; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 83/2017/NĐ; Điều 8 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

4.1. Ban hành quy định hoặc kế hoạch kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH thường xuyên (tham khảo Mẫu số 06) đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra thường xuyên về PCCC, kiểm tra định kỳ, đột xuất về CNCH phù hợp với đặc điểm của cơ sở; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...

4.2. Người được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định, kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

4.2.1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phương tiện, thiết bị, thử nghiệm hệ thống, thiết bị PCCC... phục vụ kiểm tra.

4.2.2. Kiểm tra việc duy trì điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn theo quy định của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

4.2.3. Ghi nhận kết quả kiểm tra.

Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng phiếu hoặc biên bản kiểm tra.... (tham khảo Mẫu số 07). Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

- Phạm vi được kiểm tra;
- Ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có), đề xuất các biện pháp thực hiện;
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

4.3. Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

4.4. Kết quả kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra được lưu trong hồ sơ hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH.

5. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC

Dự trù và phê duyệt nguồn kinh phí hằng năm để bảo đảm cho hoạt động PCCC của cơ sở, cụ thể:

5.1. Trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH tại cơ sở đã bị hư hỏng.

5.2. Bảo đảm chế độ, chính sách cho đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định của Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

5.3. Tổ chức tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH và các hoạt động khác có liên quan đến công tác PCCC và CNCH.

6. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (Căn cứ pháp lý: khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 9 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

6.1. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy

6.1.1. Xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống phức tạp nhất và tình huống đặc trưng phù hợp với cơ sở như: Tầng hầm, tầng trên cao, khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao....:

- Đối với cơ sở quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 149/2020/TT-BCA).

6.1.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy và thực hiện thủ tục phê duyệt phương án theo quy định.

6.2. Xây dựng, chỉnh lý, bổ sung phương án CNCH

6.2.1. Xây dựng phương án CNCH của cơ sở theo mẫu và nội dung quy định, giả định được tình huống sự cố, tai nạn phức tạp nhất, đặc trưng tại cơ sở; tổ chức phê duyệt phương án.

6.2.2. Bổ sung, chỉnh lý phương án khi có thay đổi về tính chất, đặc điểm sự cố, tai nạn có thể xảy ra và các điều kiện liên quan đến hoạt động CNCH.

6.3. Phổ biến và tổ chức thực tập phương án:

6.3.1. Tổ chức phổ biến phương án đã được phê duyệt cho đội PCCC cơ sở, CBCNV (thông qua các buổi tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ...);

6.3.2. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức thực tập phương án.

- Việc thực tập phương án được tổ chức: Định kỳ ít nhất 01 lần/ 01 năm đối với phương án chữa cháy; ít nhất hai năm một lần đối với phương án CNCH; đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn PCCC đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương.

- Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập. Lực lượng, phương tiện có trong phương án khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

6.3.3. Sau khi kết thúc thực tập phải tổ chức rút kinh nghiệm và có báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án (tham khảo Mẫu số 08).

6.3.4. Quản lý, sử dụng phương án:

- Phương án chữa cháy, phương án CNCH, kế hoạch tổ chức thực tập phương án, báo cáo kết quả thực tập phương án của cơ sở được gửi đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở.

- Phương án, kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

6.3.5. Tham gia thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ quan Công an đối với các cơ sở khác khi được huy động.

7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (Căn cứ pháp lý: Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP)

7.1. Xây dựng kế hoạch (tham khảo Mẫu số 06), bảo đảm kinh phí và các điều kiện để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý. Lưu ý:

- Về PCCC: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

- Về CNCH: Lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và đối tượng khác theo yêu cầu (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP).

7.2. Khi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH của cá nhân thuộc phạm vi quản lý bị hư hỏng, mất, cơ sở hoặc cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

7.3. Cập nhật, thống kê công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH (tham khảo Mẫu số 01); Quyết định cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ hoặc bản sao Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ được lưu trong hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC, CNCH của cơ sở.

8. Tổ chức chữa cháy, CNCH

8.1. Khi xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn thì người phát hiện phải nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh, lãnh đạo cơ sở biết để chữa cháy, CNCH và báo cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo số điện thoại 114; sử dụng phương tiện, thiết bị tại chỗ để chữa cháy, CNCH.

8.2. Người chỉ huy chữa cháy, CNCH: Đội trưởng đội PCCC cơ sở, chuyên ngành; người đứng đầu cơ sở (khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa đến) có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng PCCC cơ sở thực hiện các công việc sau:

- Hướng dẫn người trong khu vực cháy, nổ, sự cố, tai nạn di chuyển ra khu vực an toàn. Trường hợp, có người bị nạn, bị thương phải ưu tiên cứu người ra nơi an toàn.

- Cắt điện và triển khai lực lượng, phương tiện để chữa cháy, CNCH;

- Trường hợp lực lượng PCCC cơ sở đã hoàn thành việc chữa cháy, CNCH trước khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến, cơ sở phải báo ngay cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH biết.

8.3. Khi lực lượng Cảnh sát PCCC đến hiện trường, người chỉ huy chữa cháy của cơ sở phải cung cấp thông tin, báo cáo tình hình và công tác tổ chức chữa cháy, CNCH của cơ sở. Khi đó lực lượng của cơ sở có trách nhiệm:

- Bố trí người phù hợp tham gia Ban Tham mưu chữa cháy khi có yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, CNCH theo phân công của chỉ huy lực lượng Cảnh sát PCCC.

8.4. Báo cáo vụ cháy, nổ gửi Cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên (tham khảo Mẫu số 08).

9. Thực hiện một số quy định khác

9.1. Tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH

9.1.1. Thực hiện các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH trước khi đưa cơ sở vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong đó:

- Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải duy trì các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

Lưu ý: cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện các điều kiện chung của cơ sở. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

9.1.2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở bảo đảm thành phần, nội dung theo quy định và cập nhật, bổ sung thành phần hồ sơ theo quy định.

9.2. Thực hiện bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH định kỳ theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 (thay thế Thông tư số 52/2014/TT-BCA) và TCVN 3890.

9.3. Thực hiện đo điện trở tiếp địa, chống sét định kỳ; kiểm định kỹ thuật thiết bị áp lực theo quy định (biên bản hoặc chứng nhận kết quả của đơn vị có chức năng theo quy định).

9.4. Có văn bản thông báo sự thay đổi, điều chỉnh đến cơ quan Công an trực tiếp quản lý cơ sở (tham khảo Mẫu số 08)/.

II. HƯỚNG DẪN MỘT SỐ BIỂU MẪU THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCCC VÀ CNCH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ

1. Thống kê công tác tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH

Mẫu số 01

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỐNG KÊ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ VỀ PCCC, CNCH

.....(2).....

STT	Ngày, tháng, năm	Nội dung tuyên truyền, huấn luyện	Số lượng đối tượng tham gia				Kết quả tuyên truyền, huấn luyện	Số Chứng nhận được cấp
			Lực lượng PCCC tại cơ sở	Cán bộ quản lý, lãnh đạo	CBCN V	Đối tượng khác		

Ghi chú:

(1) Tên cơ sở;

(2) Ghi kết quả thống kê công tác tuyên truyền, huấn luyện.

2. Quyết định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC, CNCH

Mẫu số 04

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày.....tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH Về phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC, CNCH(2).....

- Căn cứ Luật PCCC năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC năm 2013;

- Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 20/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC;

- Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC;

.....;

- Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phân công những người có tên theo danh sách đính kèm dưới đây thực hiện nhiệm vụ PCCC, CNCH tại(1).....

Điều 2. Người thực hiện nhiệm vụ PCCC có trách nhiệm:.....(3).....;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm

Điều 4.(4)....., người có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu

LÃNH ĐẠO CƠ SỞ
(ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ sở;
- (2) Ghi rõ chức vụ của người đứng đầu cơ sở;
- (3) Ghi rõ nhiệm vụ của người được phân công thực hiện công tác PCCC, CNCH;
- (4) Ghi rõ tên cá nhân, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

**DANH SÁCH NGƯỜI ĐƯỢC PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PCCC,
CNCH**

Của (1).....

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-PCCC-.... ngày.....)

TT	Họ và tên	Nơi, khu vực làm việc (1)	Ghi chú (2)
1			
2			
3			
...			

LÃNH ĐẠO CƠ SỞ
(ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ tên bộ phận, khu vực làm việc của thành viên Đội PCCC;

(2) Ghi thông tin số điện thoại liên hệ.

3. Quyết định ban hành và nội quy PCCC, CNCH

Mẫu số 05

.....(1).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày.....tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Nội quy(2)

.....(3).....

- Căn cứ Luật PCCC năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC năm 2013;

- Căn cứ Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày .../.../2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC;

- Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC;

.....;

- Xét đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này Nội quy.....(2).....;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm

Điều 3:(4).....và toàn thể CBCNV chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);

- Lưu

LÃNH ĐẠO CƠ SỞ
(ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ sở;

(2) Ghi nội quy về PCCC/CNCH/PCCC và CNCH;

(3) Ghi rõ chức vụ của người đứng đầu cơ sở;

(4) Ghi tên các đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này.

.....(1).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày.....tháng năm 20.....

NỘI QUY.....(2)

(Ban hành kèm theo Quyết định số

Điều 1: Phòng cháy, chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ là trách nhiệm của (nêu rõ đối tượng là cá nhân đang làm việc, sinh sống, khách đến liên hệ công tác...)

Điều 2: Quy định về sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ có khả năng sinh lửa, sinh nhiệt; lắp đặt, sử dụng hệ thống thiết bị điện... (nêu rõ việc cấm tại khu vực nào thuộc hạng mục của cơ sở).

Điều 3: Quy định về việc xuất, nhập, sử dụng, bảo quản, sắp xếp vật tư, hàng hóa; bảo quản, sử dụng chất dễ cháy, nổ (nêu rõ yêu cầu bố trí, sắp xếp, những khu vực cấm phù hợp với loại hàng hóa, hóa chất có trong cơ sở....);

Điều 4: Cấm..... (Ghi nội dung theo quy định tại Điều 13 Luật PCCC/ Điều 6 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP phù hợp với khu vực, cơ sở....)

Điều 5: Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị PCCC/CNCH định kỳ, duy trì hoạt động theo đúng chức năng.

Điều 6: Phải thực hiện (Điều 14 Luật PCCC, khoản 1 Điều 13 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP phù hợp với khu vực, cơ sở).

Điều

LÃNH ĐẠO CƠ SỞ
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ sở;

(2) Ghi nội quy về PCCC/CNCH/PCCC và CNCH

4. Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ PCCC, CNCH của cơ sở

Mẫu số 06

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/KH...

....., ngày tháng năm

KẾ HOẠCH

.....(2).....

Căn cứ.....(3).....

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

.....

.....

II. NỘI DUNG

.....(4).....

.....

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

.....

Nơi nhận:

LÃNH ĐẠO CƠ SỞ

(ký tên và đóng dấu)

- Tên các đơn vị/cá nhân (để thực hiện);

- Lưu

Ghi chú:

(1) Ghi tên cơ sở;

(2) Ghi nội dung kế hoạch: Tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ PCCC, CNCH/Kiểm tra an toàn về PCCC, CNCH/thực tập phương án chữa cháy, CNCH...;

(3) Ghi căn cứ của pháp luật về PCCC, CNCH hoặc yêu cầu công tác PCCC, CNCH của cơ sở....;

(4) Ghi rõ đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm thực hiện;

5. Phiếu hoặc biên bản ghi nhận kết quả kiểm tra an toàn về PCCC, CNCH của cơ sở

Mẫu số 07

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU GHI KẾT QUẢ KIỂM TRA

..... (2).....

Hồi..... giờ ngày ... tháng năm

Chúng tôi gồm:

- Ông/bà: Chức vụ:

- Ông/bà: Chức vụ:

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

TT	Khu vực được kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Kết quả	Ghi chú (3)

III. Kiến nghị

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN KHU VỰC
ĐƯỢC KIỂM TRA**
(ký ghi rõ họ, tên)

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN/NGƯỜI
KIỂM TRA**
(ký ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ sở;

(2) Kiểm tra an toàn về PCCC/CNCH/PCCC và CNCH;

(3) ghi rõ những thiếu sót, vi phạm và kiến nghị thời hạn thực hiện.

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

..... (2).....

Hồi..... giờ ngày ... tháng năm,

Chúng tôi gồm:

- Ông/bà: Chức vụ:

- Ông/bà: Chức vụ:

-

Đã tiến hành kiểm tra đối với:.....(3).....

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau: (4)

.....

.....

III. Kết luận, kiến nghị

4.1. Kết luận: *Ghi nhận kết quả thực hiện công tác PCCC và CNCH (những mặt đã làm được, chưa làm được).*

4.2. Kiến nghị: *Ghi rõ những thiếu sót, vi phạm và kiến nghị thời hạn thực hiện.*

Biên bản được lập xong hồi giờ..... ngày ... tháng năm, gồm trang..... được lập thành ... bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN KHU VỰC
ĐƯỢC KIỂM TRA

(ký ghi rõ họ, tên)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN/NGƯỜI
KIỂM TRA

(ký ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ sở;

(2) Kiểm tra an toàn về PCCC/CNCH/PCCC và CNCH;

(3) Khu vực trong cơ sở được kiểm tra;

(4) Ghi kết quả kiểm tra và nhận xét, đánh giá và kiến nghị, lưu ý:

1. Đối với việc kiểm tra hạng mục, dây chuyền công nghệ hoặc gian phòng, khu vực có tính chất nguy hiểm cháy, nổ cao (sản xuất, tồn chứa, sử dụng chất, hàng có nguy hiểm về cháy, nổ hoặc có khả năng phát sinh cháy, nổ; chợ, TTTM...), sau mỗi ca làm việc, cần kiểm tra và ghi nhận các nội dung sau:

- Việc bảo đảm an toàn PCCC trong quản lý và sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất cháy, chất nổ, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt; việc sắp xếp, tồn chứa hóa chất dễ cháy, nổ.

- Duy trì điều kiện bảo đảm chữa cháy và thoát nạn của khu vực, gian phòng.

- Đối với hoạt động sản xuất: Yêu cầu về an toàn PCCC, CNCH khi khởi động, dừng hoạt động của dây chuyền công nghệ, các thiết bị có nguy cơ cháy, nổ cao; khu vực sản xuất, tồn chứa, sử dụng... chất, hàng có nguy hiểm về cháy, nổ; khu vực có nguy cơ hình thành môi trường nguy hiểm cháy, nổ; an toàn trong sử dụng các thiết bị điện, thiết bị sinh nhiệt, nguồn lửa, nguồn nhiệt; việc duy trì vệ sinh công nghiệp...

- Đối với hoạt động tồn chứa (kho chứa): Yêu cầu về an toàn PCCC khi xuất, nhập, bảo quản chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ; số lượng, chủng loại vật tư, hàng hóa được tồn chứa, sắp xếp hàng hóa trong các kho chứa, nơi tập kết hàng hóa, đặc biệt là khu vực tồn chứa hóa chất; an toàn trong sử dụng các thiết bị điện, thiết bị sinh lửa, nhiệt sau mỗi ca làm việc...

- Đối với văn phòng: Việc bảo đảm an toàn PCCC và CNCH trong bố trí mặt bằng của văn phòng, phòng họp, hội trường, kho chứa; sử dụng thiết bị điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt...

- Đối với gara để xe: Có lưu giữ những phương tiện bị cấm hoặc vượt quá số lượng phương tiện, bố trí, sắp xếp phương tiện có đúng khu vực, vị trí được quy định không; duy trì điều kiện ngăn cháy lan, thông gió...

- Đối với khu vực tồn chứa, sử dụng khí đốt, sản phẩm dầu mỏ: Việc thực hiện quy trình đóng, mở, xuất, nhập, sử dụng trước và sau khi sử dụng; duy trì hoạt động của hệ thống cảnh báo hơi, khí..., hệ thống thiết bị điện, nhất là tại khu vực có yêu cầu phòng nổ, chống ẩm ướt; duy trì các giải pháp thông gió, chống tích tụ có nguy cơ hình thành môi trường nguy hiểm cháy, nổ; việc sử dụng các thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt, nguồn lửa, nguồn nhiệt, các thiết bị thuộc danh mục cấm.

2. Đối với việc kiểm tra toàn diện các điều kiện an toàn về PCCC, cần kiểm tra và ghi nhận các nội dung sau:

- Việc duy trì các điều kiện đối với đường giao thông dành cho chữa cháy; khoảng cách an toàn PCCC giữa các hạng mục trong cơ sở; hệ thống, nguồn cấp nước chữa cháy ngoài nhà.

- Việc duy trì các điều kiện về PCCC và CNCH đối với khu vực, hạng mục theo các nội dung sau: Mặt bằng, công năng sử dụng của khu vực, gian phòng; ngăn cháy lan, thoát nạn; trang bị và hoạt động của hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH (hệ thống báo cháy tự động, các hệ thống chữa cháy, phương tiện chữa cháy ban đầu, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn, hệ thống, thông gió, hút khói, điều áp...); yêu cầu an toàn đối với công nghệ sản xuất, hệ thống, thiết bị điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt sử dụng trong quá trình hoạt động và nguồn điện cấp cho PCCC...; các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn. Lưu ý:

- Việc phân công lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và phương tiện trực PCCC và CNCH; giả định tình huống theo phương án của cơ sở để kiểm tra khả năng xử lý khi có cháy, nổ, sự cố, tai nạn xảy ra (phát hiện, báo cháy, triển khai các hoạt động chữa cháy, CNCH...).

- Việc bảo đảm an toàn trong hàn cắt tại nơi có nguy cơ xảy ra cháy, nổ.

6. Báo cáo PCCC, CNCH của cơ sở

Mẫu số 08

.....(1).....
Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng năm 20.....

BÁO CÁO

.....(2).....

Kính gửi:(3).....

Công ty/cơ sở báo cáo.....(2)..... như sau:

I. Kết quả tổ chức thực hiện:

.....(4).....

.....

II. Kế hoạch thực hiện trong năm

tới.....

III. Kiến nghị của đơn vị đối với cơ quan quản lý (nếu

có).....

Nơi nhận:

- Như trên;

-

LÃNH ĐẠO CƠ SỞ**(Ký tên, đóng dấu)****Ghi chú:**

(1) Tên cơ sở;

(2) Ghi nội dung báo cáo: Kết quả kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH định kỳ của cơ sở/kết quả thực tập phương án/báo cáo vụ cháy, nổ, sự cố tai nạn/báo cáo khi có thay đổi về điều kiện an toàn PCCC, CNCH....;

(3) Ghi tên cơ quan Công an nhận báo cáo;

(4) Ghi rõ nội dung:

- Kết quả kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH định kỳ 6 tháng của người đứng đầu cơ sở;

- Kết quả thực tập phương án (Ngày, tháng, năm tổ chức thực tập; tình huống thực tập; lực lượng, phương tiện tham gia thực tập; đánh giá kết quả thực tập; kiến nghị đối với cơ quan Công an quản lý trực tiếp);

- Báo cáo vụ cháy, nổ, sự cố tai nạn (thời gian, địa điểm xảy ra, diễn biến tổ chức chữa cháy, CNCH (các lực lượng tham gia khắc phục sự cố, thời gian xử lý xong), thiệt hại (về người, tài sản), nguyên nhân, công tác xử lý sau vụ cháy, nổ, sự cố, tai nạn và biện pháp khắc phục);

- Báo cáo khi có thay đổi về điều kiện an toàn PCCC, CNCH (khu vực thay đổi về PCCC, CNCH; kết quả thực hiện việc thay đổi; kiến nghị đối với cơ quan Công an quản lý trực tiếp)....



PHỤ LỤC III

HƯỚNG DẪN VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA; HUẤN LUYỆN, BỒI DƯỠNG NGHĨE VỤ; TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VÀ KIẾN THỨC PHƯƠNG ÁN VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

(ban hành kèm theo Kế hoạch số: 101 /KH-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 5)

I. Hướng dẫn công tác kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy (PCCC) và cứu nạn, cứu hộ (CNCH)

1. Cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy:

- Cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2013 (sau đây gọi chung là Luật Phòng cháy và chữa cháy) được xác định là cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy.

- Cơ quan, tổ chức có thể có một hoặc nhiều cơ sở; trong phạm vi một cơ sở có thể có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động.

- Đối với Danh mục cơ sở do Ủy ban nhân dân phường quản lý được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP.

2. Quy trình kiểm tra công tác PCCC&CNCH đối với cơ sở:

2.1. Đối tượng kiểm tra:

- Khu dân cư, hộ gia đình, cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy thuộc danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP.

2.2. Nội dung kiểm tra:

- Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở, khu dân cư, hộ gia đình, quy định tại các Khoản 2, Điều 5; Điều 6 và Điều 7 Nghị định 136/2020/NĐ-CP.

- Việc thực hiện trách nhiệm phòng cháy và chữa cháy của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và chủ hộ gia đình theo quy định.

2.3. Kiểm tra an toàn về PCCC được tiến hành theo hình thức kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất:

- Người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình trách nhiệm tổ chức kiểm tra thường xuyên về an toàn phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản lý của mình.

- Hồ sơ gia lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy của cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP do người đứng đầu cơ sở lập và lưu trữ quy định tại Nghị định 136/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp phường có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy **định kỳ một năm một lần**; kiểm tra đột xuất khi phát hiện các trường hợp quy định tại **Điểm a** và **Điểm b Khoản 1 Điều 17** Nghị định 136/2020/NĐ-CP hoặc vi phạm quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy mà có nguy cơ phát sinh cháy, nổ hoặc phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự theo văn bản chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền đối với các cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP, khu dân cư thuộc phạm vi quản lý.

2.4 Thủ tục kiểm tra:

a) Đối với trường hợp kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy:

- Cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra quy định tại điểm c và điểm đ khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/2020/NĐ-CP trước khi thực hiện kiểm tra định kỳ phải thông báo trước 03 ngày làm việc cho đối tượng được kiểm tra về thời gian, nội dung và thành phần đoàn kiểm tra. Khi tổ chức kiểm tra về an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở do cấp dưới quản lý thì phải thông báo cho cấp quản lý cơ sở đó biết. Trường hợp cần thiết thì yêu cầu cấp quản lý cơ sở đó tham gia đoàn kiểm tra, cung cấp tài liệu và tình hình liên quan đến công tác phòng cháy và chữa cháy của cơ sở được kiểm tra. Kết quả kiểm tra được thông báo cho cấp quản lý cơ sở biết.

- Cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra quy định tại các điểm c, d và điểm đ khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/2020/NĐ-CP khi thực hiện kiểm tra đột xuất phải thông báo rõ lý do kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra.

- Đối tượng được kiểm tra phải chuẩn bị đầy đủ các nội dung kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy đã được thông báo và bố trí người có thẩm quyền, trách nhiệm để làm việc với cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra.

b) Việc kiểm tra định kỳ, đột xuất của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm c, d và điểm đ khoản 3 và khoản 4 Điều 16 Nghị định 136/2020/NĐ-CP phải được lập thành biên bản (*Mẫu số PC10 kèm theo Phụ lục IX Nghị định 136/2020/NĐ-CP*). Trường hợp đối tượng kiểm tra không ký biên bản thì phải có xác nhận của hai người làm chứng hoặc chính quyền địa phương.

3. Tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình, cá nhân không bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy:

3.1. Các trường hợp bị tạm đình chỉ hoạt động:

- Trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ xuất hiện nguồn lửa, nguồn nhiệt hoặc khi đang có nguồn lửa, nguồn nhiệt mà xuất hiện môi trường nguy hiểm cháy, nổ (sau đây gọi là nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ).

- Vi phạm nghiêm trọng quy định về phòng cháy và chữa cháy đã được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu khắc phục bằng văn bản mà không thực hiện, bao gồm: Tàng trữ, sử dụng trái phép hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; sản xuất, kinh doanh, san, chiết, nạp hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ mà không có giấy phép hoặc không đúng nơi quy định; làm mất tác dụng của lối thoát nạn, ngăn

cháy lan mà khi xảy ra cháy, nổ có thể gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản;

- Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định về phòng cháy và chữa cháy:

- + Cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng của cơ sở, hạng mục thuộc cơ sở, hoán cải phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP ảnh hưởng đến một trong các điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy quy định tại điểm b, điểm c khoản 5 Điều 13 Nghị định 136/2020/NĐ-CP khi chưa có văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền;

- + Đưa công trình, hạng mục công trình, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP vào hoạt động, sử dụng khi chưa có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an có thẩm quyền.

3.2. Việc tạm đình chỉ hoạt động chỉ giới hạn trong phạm vi nhỏ nhất và theo nguyên tắc nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ xuất hiện ở phạm vi nào hoặc vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy ở phạm vi nào thì tạm đình chỉ hoạt động trong phạm vi đó.

3.3. Thời hạn tạm đình chỉ hoạt động được xác định căn cứ vào điều kiện, khả năng loại trừ nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ, khả năng khắc phục vi phạm về phòng cháy và chữa cháy nhưng không vượt quá 30 ngày.

3.4. Cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy, hộ gia đình và hoạt động của cá nhân bị tạm đình chỉ theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định 136/2020/NĐ-CP đã hết thời hạn tạm đình chỉ mà không khắc phục hoặc không thể khắc phục được thì bị đình chỉ hoạt động. Việc đình chỉ hoạt động có thể thực hiện đối với từng bộ phận hoặc toàn bộ cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy, hộ gia đình và hoạt động của cá nhân.

3.5. Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động được thể hiện bằng văn bản; có thể ra quyết định tạm đình chỉ bằng lời nói đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị định 136/2020/NĐ-CP nhưng sau đó phải thể hiện quyết định bằng văn bản.

3.6. Trình tự, thủ tục tạm đình chỉ hoạt động:

- Khi phát hiện trường hợp bị tạm đình chỉ hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định 136/2020/NĐ-CP thì người đang thi hành nhiệm vụ yêu cầu tổ chức, cá nhân ngừng hoạt động hoặc chấm dứt hành vi vi phạm và thực hiện theo trình tự sau:

- + Lập biên bản xác định phạm vi nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ hoặc hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy.

- + Ra quyết định hoặc báo cáo người có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động.

- Quyết định tạm đình chỉ hoạt động phải được thể hiện bằng văn bản (Mẫu số PC13 kèm theo Phụ lục IX Nghị định 136/2020/NĐ-CP). Trường hợp cấp thiết có thể ra quyết định tạm đình chỉ bằng lời nói và sau đó phải thể hiện quyết định bằng văn bản. Khi ra quyết định tạm đình chỉ bằng lời nói phải xưng rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, phạm vi và những hoạt động bị tạm đình chỉ.

- Người ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động có trách nhiệm tổ chức theo dõi việc khắc phục, loại trừ nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ.

3.7. Thủ tục đình chỉ hoạt động:

- Khi hết thời hạn tạm đình chỉ hoạt động, người có thẩm quyền đã ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động trước đó có trách nhiệm tổ chức kiểm tra cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và hoạt động của cá nhân bị tạm đình chỉ để xem xét khả năng loại trừ nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ hoặc khắc phục vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy. Việc kiểm tra phải được lập thành biên bản (Mẫu số PC10 kèm theo Phụ lục IX Nghị định 136/2020/NĐ-CP).

- Kết thúc kiểm tra, nếu xét thấy nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ chưa được loại trừ hoặc vi phạm không được khắc phục hoặc không thể khắc phục được thì người có thẩm quyền đã ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động trước đó xem xét, ra quyết định đình chỉ hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình, hoạt động của cá nhân (Mẫu số PC14 kèm theo Phụ lục IX Nghị định 136/2020/NĐ-CP).

3.8. Thẩm quyền tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động của bộ phận, toàn bộ cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình, hoạt động của cá nhân thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của mình. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động của bộ phận, toàn bộ cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình, hoạt động của cá nhân trong trường hợp tổ chức kiểm tra theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 16 Nghị định 136/2020/NĐ-CP.

3.9. Quyết định tạm đình chỉ hoạt động, quyết định đình chỉ hoạt động phải được giao cho đối tượng bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động, cấp trên trực tiếp quản lý của đối tượng bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện nơi đối tượng bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động có trụ sở hoặc cư trú; trường hợp các hoạt động bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động có liên quan tới nhiều đối tượng thì phải giao cho mỗi đối tượng một quyết định.

3.10. Biện pháp bảo đảm thi hành quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động:

- Người đứng đầu cơ sở, cơ quan, tổ chức, người điều khiển hoặc chủ phương tiện giao thông cơ giới, chủ hộ gia đình, cá nhân khi nhận được quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động phải chấp hành ngay và có trách nhiệm loại trừ nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ hoặc khắc phục vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong thời gian ngắn nhất.

- Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động thông báo công khai trên trang thông tin điện tử, phương tiện truyền thông về việc tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình, cá nhân không bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy đến khi được phục hồi hoạt động. Nội dung công bố công khai gồm tổ chức, cá nhân vi phạm, hành vi vi phạm, hình thức xử lý.

4. Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân:

- Người có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động có quyền quyết định phục hồi hoạt động. Trường hợp người có thẩm quyền sau khi ra quyết định tạm đình chỉ bằng lời nói, chưa thể hiện bằng văn bản mà nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ hoặc vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy đã được loại trừ hoặc khắc phục ngay thì có thể quyết định phục hồi hoạt động bằng lời nói.

- Trong thời hạn tạm đình chỉ hoạt động hoặc hết thời hạn tạm đình chỉ hoạt động, nếu nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ đã được loại trừ hoặc vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy đã được khắc phục thì người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông cơ giới, chủ hộ gia đình, cá nhân phải có văn bản đề nghị phục hồi hoạt động (*Mẫu số PC15 kèm theo Phụ lục IX Nghị định 136/2020/NĐ-CP*) gửi người có thẩm quyền đã ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động trước đó xem xét, quyết định phục hồi hoạt động.

- Cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân đã bị đình chỉ hoạt động, nếu sau đó đáp ứng đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy và muốn hoạt động trở lại thì người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông cơ giới, chủ hộ gia đình, cá nhân phải có văn bản đề nghị phục hồi hoạt động (*Mẫu số PC15 kèm theo Phụ lục IX Nghị định 136/2020/NĐ-CP*) gửi người có thẩm quyền đã ra quyết định đình chỉ hoạt động trước đó xem xét, quyết định phục hồi hoạt động.

II. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy

1. Đối tượng phải được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy:

- Thành viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở.
- Người làm việc trong môi trường có nguy hiểm về cháy, nổ hoặc thường xuyên tiếp xúc với hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ.
- Người làm nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy tại các cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP.
- Thành viên đội, đơn vị phòng cháy và chữa cháy rừng.

2. Nội dung huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy:

- Kiến thức pháp luật, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng đối tượng.

- Phương pháp tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy và chữa cháy.
- Biện pháp phòng cháy; biện pháp, chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy;
- Phương pháp xây dựng và thực tập phương án chữa cháy.
- Phương pháp bảo quản, sử dụng các phương tiện phòng cháy và chữa cháy.
- Phương pháp kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

3. Thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy:

- Thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ lần đầu: Từ 16 đến 24 giờ đối với đối tượng quy định tại các điểm a, b, d, đ, e và điểm g khoản 1 Điều này và từ 32 đến 48 giờ đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/NĐ-CP.
- Thời gian huấn luyện lại để được cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy sau khi chứng nhận này hết thời hạn sử dụng tối thiểu là 16 giờ đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b, d, đ, e và điểm g khoản 1 Điều này và 32 giờ đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/NĐ-CP.
- Thời gian bồi dưỡng bổ sung hàng năm về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy tối thiểu 08 giờ đối với đối tượng quy định tại điểm a, b, d, đ, e và điểm g khoản 1 Điều này và tối thiểu 16 giờ đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/NĐ-CP.

4. Trách nhiệm tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở có trách nhiệm tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.
- Cơ quan, tổ chức, cơ sở hoặc cá nhân có nhu cầu được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy thì đề nghị cơ quan Công an hoặc cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đã được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy tổ chức huấn luyện. Kinh phí tổ chức huấn luyện do cơ quan, tổ chức, cơ sở hoặc cá nhân tham gia huấn luyện chịu trách nhiệm.

5. Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện cấp và có giá trị sử dụng trên phạm vi cả nước trong thời hạn **05 năm** kể từ ngày cấp. Hết thời hạn này, phải huấn luyện lại để được cấp Chứng nhận mới.

III. TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VÀ KIẾN THỨC VỀ PCCC&CNCH

- Các cơ quan thông tin, tuyên truyền có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức về phòng cháy và chữa cháy thường xuyên, rộng

rãi đến toàn dân theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Luật Phòng cháy chữa cháy (năm 2001).

- Cơ quan, tổ chức và hộ gia đình có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật và kiến thức về PCCC cho mọi người trong phạm vi quản lý của mình theo quy định Khoản 2, Điều 6 Luật Phòng cháy chữa cháy (năm 2001); Khoản 3, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy (năm 2013).

IV. Phương án chữa cháy

1. Các loại phương án chữa cháy:

Phương án chữa cháy của cơ sở (Mẫu số PC17 kèm theo Phụ lục IX Nghị định 136/2020/NĐ-CP).

2. Phương án chữa cháy phải bảo đảm các yêu cầu và nội dung cơ bản sau:

- Nêu được tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy.

- Đề ra tình huống cháy phức tạp nhất và một số tình huống cháy đặc trưng khác có thể xảy ra, khả năng phát triển của đám cháy theo các mức độ khác nhau.

- Đề ra kế hoạch huy động, sử dụng lực lượng, phương tiện, tổ chức chỉ huy, biện pháp kỹ thuật, chiến thuật chữa cháy và các công việc phục vụ chữa cháy phù hợp với từng giai đoạn của từng tình huống cháy.

- Phương án chữa cháy phải được bổ sung, chỉnh lý kịp thời và được cấp có thẩm quyền phê duyệt lại khi có những thay đổi lớn về quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy.

3. Trách nhiệm xây dựng phương án chữa cháy và phối hợp xây dựng phương án chữa cháy:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp phường, người đứng đầu cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy, chủ phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở đối với khu dân cư, cơ sở, phương tiện sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ trong phạm vi quản lý (Mẫu số PC17 kèm theo Phụ lục IX Nghị định 136/2020/NĐ-CP).

- Khi xây dựng phương án chữa cháy, cơ quan Công an phải thông báo trước 03 ngày làm việc cho người đứng đầu cơ sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp phường nơi có khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao về thời gian xây dựng phương án và những yêu cầu cần thiết cho việc xây dựng phương án.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp phường nơi có khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao, người đứng đầu cơ sở quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này có trách nhiệm cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết liên quan tới việc xây dựng phương án chữa cháy theo yêu cầu của cơ quan Công an, bố trí

người tham gia và bảo đảm các điều kiện phục vụ xây dựng phương án chữa cháy.

4. Quản lý phương án chữa cháy:

Phương án chữa cháy của cơ sở được quản lý tại cơ sở, khu dân cư.

5. Trách nhiệm tổ chức thực tập phương án chữa cháy:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp phường, người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cần thiết, tổ chức thực tập phương án chữa cháy của cơ sở, khu dân cư, phương tiện thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Lực lượng, phương tiện có trong phương án chữa cháy khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

- Người có trách nhiệm tổ chức thực tập phương án chữa cháy của cơ sở phải gửi kế hoạch, báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy đến cơ quan Công an quản lý trực tiếp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực tập phương án chữa cháy.

6. Thời hạn thực tập phương án chữa cháy:

- Phương án chữa cháy của cơ sở quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP phải được tổ chức thực tập ít nhất một lần một năm và thực tập đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương. Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập theo quy định.



PHỤ LỤC IV

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỒ SƠ QUẢN LÝ PCCC ĐỐI VỚI CƠ SỞ THUỘC DIỆN QUẢN LÝ CỦA UBND CẤP PHƯỜNG

(ban hành kèm theo Kế hoạch số 101 /KH-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 5)

Đối với hồ sơ quản lý về PCCC đối với cơ sở thuộc diện quản lý của UBND cấp Phường, mỗi cơ sở lập một bộ hồ sơ gồm:

1. Phiếu thông tin về cơ sở theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Công văn số 227/C07-P1 ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH – Bộ Công an;
2. Phương án chữa cháy của cơ sở theo Mẫu PC17 ban hành kèm theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP (nếu có);
3. Kế hoạch kiểm tra, biên bản kiểm tra về PCCC và CNCH (định kỳ, đột xuất) của UBND cấp xã đối với cơ sở; văn bản hướng dẫn, kiến nghị về công tác PCCC, biên bản vi phạm, giải quyết xử lý vi phạm hành chính về PCCC, quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ hoạt động, quyết định phục hồi hoạt động của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
4. Báo cáo của cơ sở khi có thay đổi về điều kiện an toàn PCCC (nếu có);
5. Báo cáo vụ cháy, nổ, sự cố, tai nạn xảy ra tại cơ sở (nếu có).



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH CƠ SỞ DO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP PHƯỜNG QUẢN LÝ
THỰC PHỤ LỤC IV NGHỊ ĐỊNH 136/2020/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Quận 5)

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Phường	Tính chất hoạt động	Quy mô				Ghi chú
					Diện tích (m2)		Số tầng	Khối tích (m3)	
					Mặt bằng	Sử dụng/ kinh doanh			
PHƯỜNG 1									
1	Phòng cho thuê Thanh Vân	82 Nguyễn Biểu	1	Phòng cho thuê	80	240	4	720	
2	Nhà hàng Hoa Đồng	224 A Cao Đạt	1	Nhà hàng	80	240	4	720	
3	Phòng cho thuê	239 Cao Đạt	1	Phòng cho thuê	68	272	4	1088	
4	Cửa hàng Dunlop	305-307-309 Cao Đạt	1	Cơ sở dịch vụ	156	270	2	810	
5	Cơ sở gia công Hoàng Kim	18 Huỳnh Mẫn Đạt	1	Cơ sở sản xuất	75	75	1	225	
6	Phòng khám An Tâm Sài Gòn	44 Nguyễn Biểu	1	Phòng khám	60	60	1	180	
7	B'mart	74 Trần Bình Trọng	1	Cơ sở dịch vụ	60	60	1	180	
8	UBND Phường 1 Quận 5	76-78 Trần Bình Trọng	1	Văn phòng	150	450	3	1350	
9	BCH Quận sự Phường 1 Quận 5	675 Trần Hưng Đạo	1	Văn phòng	80	240	3	720	
10	Trà Tiên Hoàng	789 Trần Hưng Đạo	1	Cơ sở dịch vụ	80	160	2	480	
11	VP Thừa Phát Lại	805 Trần Hưng Đạo	1	Văn phòng	60	180	3	540	
12	Cửa hàng Tam Châu	831-833 Trần Hưng Đạo	1	Cơ sở dịch vụ	160	480	3	1440	
13	Ngân hàng TMCP kỹ thương – Chi nhánh Hưng Đạo	857 Trần Hưng Đạo	1	Văn phòng	80	160	2	480	
14	Ngân hàng Seabank	859 Trần Hưng Đạo	1	Văn phòng	80	240	3	720	

15	Viện kỹ thuật biển	658 Võ Văn Kiệt	1	Văn phòng	160	320	2	960	
16	Cty TNHH in bao bì Minh Phong	271-273 Cao Đạt	1	Văn phòng	80	160	2	480	
17	Khách sạn Kim Thịnh Phát	316 Cao Đạt	1	Khách sạn	50	200	4	600	
18	Thánh thất Cao Đài Sài Gòn	891 Trần Hưng Đạo	1	VH-XH	310	930	3	2700	
19	CH Vĩnh Hiền Lộc Tài	222B Cao Đạt	1	Cơ sở dịch vụ	80	160	2	480	
20	Chùa Phổ Minh	188/4C Cao Đạt	1	VH-XH	90	440	5	1300	
21	Chùa Thiện Mỹ	197/20 Cao Đạt	1	VH-XH	80	400	5	1200	
22	Đình Bình Yên	197/11 Cao Đạt	1	VH-XH	42	84	2	250	
23	Đền Hùng Vương	22/93 Trần Bình Trọng	1	VH-XH	50	50	1	150	
24	Quán Ốc Baby	60 Trần Bình Trọng	1	Cơ sở dịch vụ	50	150	3	450	
25	Công ty TNHH Lê Trần	25 Trần Bình Trọng	1	Văn phòng	50	193	4	579	
26	Nis coffee	14A Trần Bình Trọng	1	Cơ sở dịch vụ	82	330	4	990	
27	Trạm y tế Phường 1 Quận 5	76 Nguyễn Biểu	1	VH-XH	56	56	1	168	
28	CA Phường 1 Quận 5	660 Võ Văn Kiệt	1	Văn phòng	151.5	629.5	4	1888	
29	Thời trang 79	5B Nguyễn Văn Cừ	1	Cơ sở dịch vụ	42	42	1	126	
PHƯỜNG 2									
1	Công an Phường 2 Quận 5	165 Trần Bình Trọng	2	Trụ sở làm việc	70	140	2	490	
2	Ủy Ban Nhân Dân Phường 2	97 Trần Bình Trọng	2	Trụ sở làm việc	100	500	5	1750	
3	Cà phê Xena	109 Trần Bình Trọng,	2	Cà phê DJ	100	140	2	490	
4	CN Quận 5 – Công ty TNHH mì cay SaSín	121 Trần Bình Trọng	2	Nhà hàng ăn uống	100	480	3	1680	
5	Trạm xử sở kiến thiết Lâm Đồng TP.HCM	124 Trần Bình Trọng,	2	Văn phòng	102	560	5	1960	
6	Công ty TNHH TM – DV Điện Lạnh Đại Hưng	156 Nguyễn Biểu	2	KD thiết bị phụ tùng cơ điện	67	270	4	945	
7	CN Công Ty TNHH Phúc Giang	167A Nguyễn Biểu	2	Cửa hàng KD thiết bị điện tử	40	70	2	280	
8	Công ty TNHH MTV TM – DV Mười Nguyễn Biểu	193-195 Nguyễn Biểu	2	Gia công cơ khí	150	600	4	2100	

9	Công ty CP đầu tư và địa ốc Sài Gòn – Chợ Lớn	220 Nguyễn Biểu	2	Văn phòng	323	460	2	1610	
10	Công ty TNHH TM Nhà hàng ăn uống Sính Đối 233	233 Nguyễn Biểu	2	Nhà hàng ăn uống	100	500	5	1750	
11	Công ty TNHH Jollibee Việt Nam	354-356 Trần Hưng Đạo	2	KD thực phẩm	55	166	3	581	
12	Công ty TNHH MTV điện thoại di động Hoàng Phát	358-360 Trần Hưng Đạo	2	Cửa hàng điện thoại	40	160	4	560	
13	Phòng Khám Chuyên Khoa Hải Tiên	366 Trần Hưng Đạo	2	Thăm mỹ viện	70	300	7	2100	
14	Trụ sở BCH Quận sư Phường 2	364 Trần Hưng Đạo	2	Trụ sở					
15	CN Công ty TNHH Anh ngữ giao tiếp ứng dụng	396 Trần Hưng Đạo	2	Trung tâm ngoại ngữ	120	600	5	2100	
16	CN Cty TNHH MTV DV Ngân hàng nông nghiệp Việt Nam - Trung tâm DV ngân quỹ Miền Nam	422 Trần Hưng Đạo	2	Giao dịch tiền	250	450	2	1575	
17	Agribank CN Sài Gòn	422 Trần Hưng Đạo	2	PGD	340	2380	7	8330	
18	Công ty TNHH Benelli Việt Nam	440 Trần Hưng Đạo	2	Buôn bán xe máy	81	324	4	1134	
19	Cơ sở sản sóc da mặt Khang Lạc	452 Trần Hưng Đạo	2	Chăm sóc da mặt	75	225	3	787	
20	Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam – CN Chợ Lớn - PGD Hưng Đạo	466 Trần Hưng Đạo	2	PGD	69	276	4	966	
21	Văn phòng phẩm Hùng Hà	472A Trần Hưng Đạo	2	Cửa hàng bách hóa	120	440	4	1540	
22	PGD Bùi Hữu Nghĩa - Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	474A Trần Hưng Đạo	2	PGD	120	360	3	1260	
23	Cửa Hàng Thế Giới Di Động	532-534 Trần Hưng Đạo	2	Cửa hàng điện thoại	90	90	1	315	
24	Trung Tâm Nha Khoa Thẩm Mỹ Đăng Lưu	536 - 538 - 540 Trần Hưng Đạo	2	Phòng khám nha khoa	144	288	2	1008	
25	Cửa Hàng Thế Giới Di Động	558 Trần Hưng Đạo	2	Cửa hàng điện thoại	90	90	1	315	
26	FPT Shop	608 - 610 Trần Hưng Đạo	2	Cửa hàng điện thoại	59,7	59,7	2	208	
27	Bãi giữ xe 672A	672A Trần Hưng Đạo	2	Bãi xe	700	500	1	1750	
28	Công ty TNHH – TM Đại Nam	678 - 680 Trần Hưng Đạo	2	Mua bán linh kiện cơ khí	136	680	5	2040	
29	Cửa hàng thực phẩm tiện lợi Satrafods	744 Trần Hưng Đạo	2	Cửa hàng thực phẩm	96	232	1	812	
30	Ấn Tượng	18/6 Phan Văn Trị	2	Chiếu phim, ăn uống	250	1250	5	4375	
31	Cửa hàng thực phẩm Chung cư Phan Văn Trị	Tầng trệt Lô B Chung cư Phan Văn Trị	2	Cửa hàng thực phẩm	90	90	1	270	
32	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3	64 Lê Hồng Phong	2	TT kiểm định chất lượng	800	516	1	1806	
33	Hộ kinh doanh Quang	114C Lê Hồng Phong	2	Sửa chữa xe máy	30	90	3	315	

34	Công ty Cổ Phần Nam Đô	117 Lê Hồng Phong	2	Sản xuất mỹ phẩm	300	900	3	3150	
35	Hộ kinh doanh Thanh Hải	201-204/6 Nguyễn Văn Cừ	2	Pha sơn	66	198	3	693	
36	Công ty TNHH MTV Thanh Hương Sơn	195-197 Nguyễn Văn Cừ	2	Cửa hàng sơn nước	60	540	4	1680	
37	Công ty TNHH Môtô Kiều	191 Nguyễn Văn Cừ	2	Mua bán sơn dầu	60	190	4	665	
38	Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam CN Bến Nghé	163 Nguyễn Văn Cừ,	2	Ngân hàng	100	150	2	525	
39	Chi nhánh Công ty bánh kẹo Á Châu	229- 231-233 Nguyễn Trãi	2	Sản xuất bánh kẹo	242	1182	4	4137	
40	Hộ Kinh Doanh Nguyễn Thị Cẩm Bình	111 Nguyễn Văn Cừ	2	KD Sơn	87	203	2	710	
41	CN Hưng Đạo - Ngân hàng TMCP Thương Tín	99A Nguyễn Văn Cừ	2	Ngân hàng	60	240	4	840	
42	Nhóm trẻ Thiên Thần Nhỏ	40 Huỳnh Mẫn Đạt	2	Nhóm trẻ	121	213	2	745,5	
43	CN Công ty TNHH DV TM Hân Hân	261 Nguyễn Trãi	2	Cửa hàng quần áo	300	500	4	1750	
44	Hộ Kinh Doanh Phạm Tường 2000	249A Nguyễn Trãi	2	Cửa hàng quần áo	140	700	4	2450	
45	Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM-CN Nguyễn Trãi	207-209 Nguyễn Trãi	2	Ngân hàng	120	360	3	1260	
46	PGD số 14 - CN Sài Gòn NH TMCP Quốc Dân	203 Nguyễn Trãi	2	Ngân hàng	109	436	4	1526	
47	Công ty TNHH TM Mirabella	185-187-189 Nguyễn Trãi	2	Cửa hàng giày dép	80	160	2	560	
48	Công ty TNHH Nhà Hàng 184	184 Nguyễn Biểu	2	Nhà hàng ăn uống	68	386	6	1351	
49	Cửa hàng Family Mart	167 Nguyễn Biểu	2	Cửa hàng bách hóa	72	140	2	490	
50	CN công ty TNHH MTV Blue Exchange –CN số 19 TPHCM	161-163 Nguyễn Trãi	2	Cửa hàng quần áo	300	600	2	2100	
51	CN công ty CP tập đoàn Thái Tuấn – cửa hàng Nguyễn Trãi	151A-153 Nguyễn Trãi	2	Cửa hàng quần áo	120	480	4	1680	
52	Hộ kinh doanh Yến Phương	141A Nguyễn Trãi	2	Cửa hàng quần áo	160	320	2	1120	
53	Công ty TNHH Phòng khám Vibrant	133 Nguyễn Trãi	2	Phòng khám	270	270	1	945	
54	Địa điểm kinh doanh – Công ty CP TM DV tư vấn thiết kế thời trang việt	131 Nguyễn Trãi	2	Cửa hàng quần áo	185	370	2	1295	
55	Cửa Hàng Chíp Chíp	115 Nguyễn Trãi	2	Cửa hàng quần áo	80	80	1	280	
56	Cửa hàng SANDING	109 Nguyễn Trãi	2	Cửa hàng quần áo	70	280	3	980	
57	CN Công ty CP Ngôi Sao Thời Trang	99-99A Nguyễn Trãi	2	Cửa hàng quần áo	92	460	5	1610	
58	Công ty TNHH Sơn Tùng – Chi nhánh 4	95 Nguyễn Trãi	2	Cửa hàng quần áo	72	360	6	1080	

59	Cửa Hàng Su Su 4	83 Nguyễn Trãi	2	Cửa hàng quần áo	80	320	4	1120	
60	Cửa Hàng C&H	45 Nguyễn Trãi	2	Cửa hàng quần áo	80	80	1	280	
61	Hộ kinh doanh Hồ Kiệt - Infinity Sports	39 Nguyễn Trãi	2	Cửa hàng quần áo	110	220	2	770	
62	Hộ Kinh Doanh Da Mâu	17 Nguyễn Trãi	2	Cửa hàng quần áo	80	160	2	560	
PHƯỜNG 3									
1	Phòng Cho Thuê Thanh Châu	149 Lê Hồng Phong	3	Nhà Nghỉ	30	270	3	540	
2	Chợ Bàu Sen	Nguyễn Trãi	3	Chợ	1200	1200	1		
3	Trường Mầm Non 3	80/25 Nguyễn Trãi	3	Mầm non	192	384	3	1152	
4	Ngân hàng Agribank	273 An Dương Vương	3	Văn phòng	80	240	3	720	
5	Cửa hàng Cường Nga	289-291-295 An Dương Vương	3	Cơ sở dịch vụ	180	360	2	1080	
6	Ngoại ngữ Hồng Lạc	345A-347 An Dương Vương	3	Dạy học	105	420	4	1260	
7	Nhà Hàng Cổ Đồ	361 An Dương Vương	3	Nhà hàng	80	160	2	480	
8	Cty TNHH SX TMDV Ngô Tuyết	385-387 An Dương Vương	3	Sửa xe	160	160	1	480	
9	Cửa hàng Anh Thi	397-401-403 An Dương Vương	3	Cơ sở DV	216	500	4	1500	
10	Cửa hàng Cường Dung	403 An Dương Vương	3	Cơ sở DV	75	150	2	450	
11	Cty TNHH XNK Cường Mai	423 An Dương Vương	3	Cơ sở DV	80	400	5	1200	
12	Cty TNHH Đại Chung Trí	431 An Dương Vương	3	Cơ sở DV	80	400	5	1200	
13	BCH Quân sự Phường 3 Quận 5	125 Lê Hồng Phong	3	Văn phòng	60	240	4	720	
14	Thăm mý viện Minh	126 Lê Hồng Phong	3	Thăm mý viện	60	180	3	540	
15	Cty TNHH MTV SXKT Kiên Giang	152 Lê Hồng Phong	3	Văn phòng	60	180	3	540	
16	Ngân Hàng BIDV	154 Lê Hồng Phong	3	Văn phòng	60	120	2	360	
17	Công an Phường 3 Quận 5	184 Trần Bình Trọng	3	Văn phòng	120	360	3	1080	
18	Ngân hàng Agribank – PGD Trần Bình Trọng	189 Trần Bình Trọng	3	Ngân hàng	72	150	2	450	
19	CN Cty CP Phụ Tùng Ôtô	207 Trần Bình Trọng	3	Cửa hàng trưng bày	72	216	3	648	
20	Phòng khám Hữu Nhân	209 Trần Bình Trọng	3	Phòng khám	138	138	1	414	

21	Thế giới di động	12 Nguyễn Trãi	3	Cơ sở DV	160	180	2	540	
22	Sài Gòn Foot Spa	44 Nguyễn Trãi	3	Xoa bóp	80	160	2	480	
23	Nệm vạn thành	52 Nguyễn Trãi	3	Cửa hàng bán nệm	80	80	1	160	
24	Cửa hàng PNJ	86-88 Nguyễn Trãi	3	Cơ sở DV	120	230	2	720	
25	UBND Phường 3 Quận 5	130 Nguyễn Trãi	3	Văn phòng	80	320	4	960	
26	Cửa hàng Minh Thư	142 Nguyễn Trãi	3	Shop quần áo	200	400	3	1200	
27	Ngân hàng Sacombank CN 8 tháng 3 – PGD Nguyễn Trãi	234 Nguyễn Trãi	3	Ngân hàng	100	200	2	600	
28	Nhà hàng Bàu Sen	132 Lê Hồng Phong	3	Nhà hàng	80	320	4	960	
29	VPT GYM	102-104 Nguyễn Trãi	3	Cơ sở DV	100	200	2	600	
30	Cửa hàng Juno	102-104 Nguyễn Trãi	3	Shop quần áo	100	120	2	360	
31	Hộ kinh doanh SA-KU-RA Chợ Lớn	60/11 Nguyễn Trãi	3	Lưu trữ	117	470	4	1400	
32	PGD Nguyễn Trãi	68 Nguyễn Trãi	3	Ngân hàng	130	400	3	1200	
33	Công ty TNHH TM DV Tin Học BNI - SAM SUNG (Cty TNHH Tư Vấn Truyền Thông MiiNara)	182 Trần Bình Trọng	3	Văn phòng	60	180	3	540	
34	Thẩm mỹ viện Eva	138 Lê Hồng Phong	3	Thẩm mỹ viện	60	180	3	540	
35	Nhà hàng Hồng Hồng	151 Lê Hồng Phong	3	Nhà hàng	60	300	5	900	
36	Trường Mầm Non 3	152 Huỳnh Mẫn Đạt	3	giữ trẻ	165	330	2	990	
37	Ngân Hàng BIDV	177-179 Lê Hồng Phong	3	Văn phòng	80	320	4	960	
38	Cửa hàng Á Châu	469 An Dương Vương	3	Cơ sở DV	72	216	3	648	
39	Salon Ôtô Hoàng Hoàng Hải	457-459-561 An Dương Vương	3	Văn phòng	240	480	2	1440	
40	Janine House	80/3 Nguyễn Trãi	3	Căn hộ cho thuê	90	450	4	1350	

PHƯỜNG 4

1	Trường mầm non 4	322/22 An Dương Vương		giữ trẻ	100	219	3	900	
2	CN công ty CP xe khách Phương Trang - Địa điểm kinh doanh số 241	241 Lê Hồng Phong		DV	50	150	3	450	
3	Cửa hàng 153 - Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ	279 Trần Bình Trọng		DV	70	140	2	420	
4	Cửa hàng 123 - Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ	217 Nguyễn Văn Cừ		DV	60	120	2	360	
5	Cửa hàng 82 - Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ	290C An Dương Vương		DV	65	130	2	390	
6	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản	245 Trần Bình Trọng		Văn phòng	70	210	3	630	
7	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - PGD Quận 5	458 An Dương Vương		Văn phòng	70	280	4	840	
8	Cửa hàng familymart 213 Nguyễn Văn Cừ	213 Nguyễn Văn Cừ		DV	50	100	2	300	
9	Hộ kinh doanh Dũng 360	51A Hùng Vương		Nhà hàng	70	280	4	840	
10	Công ty TNHH TM DV Nguyễn Huy	286 An Dương Vương		DV	100	200	2	600	
11	Công ty TNHH TM Hùng Thịnh	294 An Dương Vương		DV	90	180	2	540	
12	Trung tâm KD VNPT TPHCM (Phòng nghiệp vụ cước)	02A Trần Phú		Văn phòng	100	300	3	900	
13	Trụ sở UBND Phường 4	53A Trần Phú		Văn phòng	300	1500	5	4500	
14	BCH Quận sự Phường 4	53C Trần Phú		Văn phòng	90	180	2	540	
15	Trụ sở Công an Phường 4	2F Lê Hồng Phong		Văn phòng	90	180	2	540	
PHƯỜNG 5									
1	Trụ sở Công an Phường 5	77 - 79 Nghĩa Thục	5	Trụ sở cơ quan nhà nước cấp xã					
2	Trụ sở UBND Phường 5	88 - 90 Bạch Vân	5	Trụ sở cơ quan nhà nước cấp xã					
3	Công ty TNHH kinh doanh vàng bạc đá quý Kim Hào	11 - 11B - 15 Nhiều Tâm	5	Nhà ở kết hợp kinh doanh/ gia công vàng	168	672	5	2016	
PHƯỜNG 6									
1	Cơ sở Kim Quang	544/25 Hàm Tử	6	Cơ sở SX	105	210	2	672	
2	Công ty TNHH SXTM Ngô Dũng Phương	22/6 Nguyễn Văn Đứng	6	Cơ sở SX	80	160	2	560	

3	Cơ sở Gia Đôn	60 Nguyễn Văn Đứng	6	Cơ sở SX	72	288	4	922	
4	Ủy ban nhân dân P6	44 Nguyễn Văn Đứng	6	Văn phòng	80	160	2	480	
5	Công an Phường 6	23 Nguyễn Văn Đứng	6	Trụ sở làm việc	80	160	2	480	
6	Chung cư	24-26 Ngô Quyền	6	Chung cư	1041	4164	4	12492	
7	Chung cư	43-59B Trần Hưng Đạo	6	Chung cư	1885	3770	2	11310	
8	Chung cư	1088-1096 Võ Văn Kiệt, 2-6 Nguyễn Tri Phương	6	Chung cư	585	2340	4	7020	
9	Chung cư	39-49 An Bình	6	Chung cư	1831	7324	4	21972	
10	PGD Ngân hàng xây dựng Việt Nam	57B-59A Trần Hưng Đạo	6	Văn phòng	100	200	2	600	
11	Quán Cây Dừa	1054 Võ Văn Kiệt	6	quán ăn	200	200	1	600	
12	Cơ sở Long Xương	37-39 Nguyễn Tri Phương	6	Cơ sở SX	150				
13	Coop Smile	52 Nguyễn Văn Đứng	6	Cửa hàng tiện ích	60	60	1	180	
14	Cửa hàng Family	119 An Bình	6	Cửa hàng tiện ích	120	120	1	360	
15	Đội Cảnh sát Giao thông – CA Quận 5	946 Võ Văn Kiệt	6	Trụ sở làm việc					
16	Công ty TNHH Vạn Huy	49A Trần Hưng Đạo	6	Văn phòng	140	92	3	295	
17	Chùa Thiên Tôn	117/3/2 An Bình	6	Chùa	370	1110	3	3552	
18	Cơ sở Nam Việt	22 Bís Ngô Quyền	6	Cơ sở SX	90	270	5	864	
PHƯỜNG 7									
1	PGD Ngô Quyền chi nhánh 11- Ngân hàng TMCP Sài Gòn	92 Ngô Quyền	7	Văn phòng	80	240	3	840	
2	Cửa hàng Lotteria Nguyễn Tri Phương	114 Nguyễn Tri Phương	7	Nhà hàng	60	240	4	840	
3	Phòng Giao dịch Đông Chợ Lớn - Ngân hàng Agribank	80 Trần Hưng Đạo	7	Văn phòng	80	320	4	1120	
4	Quỹ tiết kiệm Trần Hưng Đạo CN TP HCM - NH TMCP VN Thương Tín	874-876 Trần Hưng Đạo	7	Văn phòng	360	1080	3	3780	
5	Quán ăn Sài Gòn	938 Trần Hưng Đạo	7	Quán ăn	60	240	4	840	
6	Cửa Hàng Trung Bầy và Giới Thiệu SP	148A Trần Hưng Đạo	7	Văn phòng	80	160	2	560	
7	Trường mầm non 5A	840/2 Trần Hưng Đạo	7	Trường học	308	924	3	3234	
8	Hộ kinh doanh Hoa Kỳ (cơ sở tăng thêm)	517/14 Nguyễn Trãi	7	Nhà ở kết hợp kinh doanh	50	150	3	525	
9	Hộ kinh doanh Trần Quang Ký	Trần Phú	7	Nhà ở kết hợp kinh doanh	80	80	1	280	
10	Ủy ban nhân dân Phường 7	519-521 Nguyễn Trãi	7	Trụ sở cơ quan nhà nước	90	630	7	2205	

11	Trụ sở Công an Phường 7	80-82 Bùi Hữu Nghĩa	7	Trụ sở cơ quan nhà nước	80	160	2	475	
PHƯỜNG 8									
1	Hộ kinh doanh Trần Nhật Bửu (Quản ăn 543)	543 An Dương Vương	8	Cửa hàng ăn uống	140	200	2	600	
2	Phòng giao dịch An Đông - Chi nhánh Sài Gòn - Ngân hàng Xây dựng (CB Bank)	71 - 73 An Dương Vương	8	Văn phòng	105	145	2	405	
3	Chi nhánh Công ty cổ phần Everpia	85 An Dương Vương	8	Nhà trưng bày	85	400	5	1200	
4	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 5 - Phòng giao dịch An Đông	503 An Dương Vương	8	Văn phòng	72	210	4	630	
5	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn - Phòng giao dịch An Đông (Exim bank)	265 Trần Phú	8	Văn phòng	80	320	4	960	
6	Cửa hàng Vissan - Chi nhánh Công ty CP Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản - Trung tâm kinh doanh chuỗi của hàng Vissan	342 Nguyễn Trãi	8	Cửa hàng bách hóa	64	64	1	192	
7	Chi nhánh 282 - Công ty TNHH Thời trang Sóng Nhạc	280 - 282 - 284 Nguyễn Trãi	8	Trưng bày	90	90	1	210	
8	Chi nhánh Cty TNHH SX&TM Thiên Cường - Quạt điện Mỹ Phong	369 Trần Phú	8	Nhà để ở kết hợp kinh doanh	62	248	4	744	
9	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Bích Thủy (Bãi xe 344)	344 Nguyễn Trãi	8	Giữ xe	200	215	1 trượt, 1 gác	645	
10	Địa điểm kinh doanh Công ty TNHH cửa hàng tiện lợi gia đình Việt Nam - Cửa hàng FamilyMart 201 An Dương Vương	201 An Dương Vương	8	Cửa hàng tiện ích	80	160	2	480	
11	Bánh mì Mỹ Thanh	296 Trần Phú	8	Nhà để ở kết hợp kinh doanh	60	120	2	360	
12	VinMart + HCM 761	07 Nguyễn Duy Dương	8	Cửa hàng tiện ích	120	120	1	360	
13	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh 5 - Phòng Giao dịch Thuận Kiều	59A An Dương Vương	8	Văn phòng	70	70	1	245	
14	Hộ kinh doanh Hoàng Tuấn	483 - 485 An Dương Vương	8	Cửa hàng sửa chữa ô tô	70	70	1	210	
15	Hộ kinh doanh Tươi Ôtô	537-539 An Dương Vương	8	Cửa hàng sửa chữa ô tô	108	173	2	519	
16	Công ty TNHH MTV guốc dép Thế Quyền	57/4 An Dương Vương	8	Nhà để ở kết hợp kinh doanh	64	230	4	690	
17	Chi nhánh 1 - Công ty TNHH Nhựt Hoa Hải	57/10 An Dương Vương	8	Nhà để ở kết hợp kinh doanh	64	64	1	192	
18	Chi nhánh 2 - Công ty TNHH Nhựt Hoa Hải	57/5 An Dương Vương	8	Nhà để ở kết hợp kinh doanh	68	229	4	687	
19	Hộ kinh doanh Hồng Liên (Phụ liệu tóc)	422 Nguyễn Trãi	8	Nhà để ở kết hợp kinh doanh	64	310	5	930	
20	Hộ kinh doanh Cửa hàng Bánh Mì Biệt Núi	143 - 145 Nguyễn Tri Phương	8	Cửa hàng ăn uống	56	80	2	240	
21	Hộ kinh doanh Vương Trung Hùng	57/2 An Dương Vương	8	Nhà để ở kết hợp kinh doanh	60	240	4	840	
22	Ủy ban nhân dân Phường 8 Quận 5	47 Nguyễn Duy Dương	8	Trụ sở cơ quan nhà nước cấp xã					

23	Trụ sở Công an Phường 8, Quận 5	55 An Dương Vương	8	Trụ sở cơ quan nhà nước cấp xã					
24	Hộ kinh doanh Tường Hưng	568 Nguyễn Trãi	8	Nhà để ở kết hợp kinh doanh	80	320	4	960	
25	Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Thảo Mai	69 An Dương Vương	8	Cửa hàng kinh doanh, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	72	132	2	396	
26	Công ty TNHH vàng bạc đá quý Kim Dung	19 An Dương Vương	8	Nhà để ở kết hợp kinh doanh	72	216	3	648	
27	Giáo hội Phật giáo Di Đà Tịnh Xá	257 Trần Phú	8	Cơ sở tôn giáo					
28	Trạm Đại diện Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Tỉnh Trà Vinh	505 – 507 An Dương Vương	8	Văn phòng	120	240	2	720	
29	Bưu cục Nguyễn Duy Dương - Bưu điện Trung tâm Chợ Lớn	05 Nguyễn Duy Dương	8	Bưu điện	60	80		240	
30	Công ty TNHH Mỹ Hào	116 Ngô Quyền	8	Nhà để ở kết hợp kinh doanh	80	225	4	675	
31	Công ty TNHH TM DV SX Thiết bị điện Đồng A	302 Nguyễn Trãi	8	Nhà để ở kết hợp kinh doanh	70	330	5	990	
PHƯỜNG 9									
1	Nhóm trẻ Hạnh Phúc	291 Hùng Vương	9	Trường học	80	240	3	720	
2	Cơm tấm Cali	125 Nguyễn Chí Thanh	9	Cửa hàng ăn uống	50	200	4	700	
3	Trường mầm non Ngôi Nhà Trí Tuệ (93A)	93A Nguyễn Chí Thanh	9	Trường học	90	270	3	945	
4	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - PGD An Đông	97K Nguyễn Chí Thanh	9	Văn phòng	64	256	4	896	
5	Quỹ tín dụng Chợ Lớn	136 Nguyễn Tri Phương	9	Văn phòng	130	260	2	910	
6	Ủy ban nhân dân P9	138-138A Nguyễn Tri Phương	9	Văn phòng	160	640	4	1920	
7	Công an Phường 9	134B Nguyễn Tri Phương	9	Văn phòng	80	320	4	960	
8	Ngân hàng TMCP Bảo Việt - PGD An Đông	97J Nguyễn Duy Dương	9	Văn phòng	60	120	2	360	
9	Ngân hàng Techcombank	97M Nguyễn Duy Dương	9	Văn phòng	133	266	2	798	
10	Ban chỉ huy Quân sự phường 9	198 Sư Vạn Hạnh	9	Văn phòng	80	320	4	960	
PHƯỜNG 10									
1	PGD Soái Kinh Lâm (AB Bank)	12 Châu Văn Liêm	10	Văn phòng	70	140	2	420	
2	Phòng giao dịch số 3 (Việt Tín)	156-158 Hải Thượng Lãn Ông	10	Văn phòng	154	154	1	462	
3	CTY TNHH Đại Lợi	182 Hải Thượng Lãn Ông	10	Cửa hàng kinh doanh	90	90	1	270	
4	CN ngân hàng TMCP Bắc Á	70 Triệu Quang Phục	10	Văn phòng	180	220	2	540	
5	Ngân hàng TMCP Phương Đông	34 Châu Văn Liêm	10	Văn phòng	100	200	2	300	

6	Khách sạn Tân Đà 4	22 Phạm Đôn	10	Khách sạn	196	420	3	1260	
7	Trường BD giáo dục Quận 5	2A Trần Hoà	10	Trường học	470	630	3	1890	
8	Ngân hàng Techcombank	36 Châu Văn Liêm	10	Văn phòng	60	220	4	660	
9	Trụ sở UBND Phường 10	49 Lương Nhữ Học	10	Trụ sở hành chính	250	950	4	2850	
10	Khách sạn Tân Đà 3	704 Võ Văn Kiệt	10	Khách sạn	300	330	2	990	
11	Khách sạn Bát Đạt 2	41 Ngô Quyền	10	Khách sạn	213	640	3	1920	
12	Công ty dược liệu chợ lớn	93-95-99 Lương Nhữ Học	10	Văn phòng	220	660	3	1980	
13	Phòng cho thuê Thuận Ý	18-20 Trần Diên	10	Phòng cho thuê	130	520	4	1560	
14	Ngân hàng Agribank - PGD Hòa Bình	132 Hải Thượng Lãn Ông	10	Văn phòng	80	160	2	480	
15	Công ty TNHH TM SX DV Kim Nam Phát	17-19 Tân Hàng	10	Sản xuất	85	170	2	510	
16	Kho hàng 3 - Công ty TNHH Trung Huy	20 Phan Huy Chú	10	kho hàng	80	240	3	720	
17	Công ty TNHH Trung Huy	26 Phan Huy Chú	10	văn phòng	90	270	3	810	
18	Công ty cổ phần dược liệu trung ương 2	40-42 Châu Văn Liêm	10	Văn phòng	110	330	3	990	
19	Cửa hàng thực phẩm tiện lợi Satrafoods	20-22 Châu Văn Liêm	10	dịch vụ	80	240	2	720	
20	Ban chỉ huy Quân sự phường 10	151 Trần Hưng Đạo	10	Trụ sở hành chính					
21	Trụ sở Công an Phường 10	321 Hải Thượng Lãn Ông	10	Trụ sở hành chính	120	310	3	1080	
PHƯỜNG 11									
1	Doanh nghiệp tư nhân Bán Đồ Thành	106 Triệu Quang Phục	11	Cơ sở sản xuất	110	180	4	1,320	
2	Công ty TNHH thương mại Thái Quang	28 Ký Hòa	11	Kho	294	668	3	934	
3	Công ty TNHH thương mại Tâm Lệ	396 Trần Hưng Đạo	11	Văn phòng, Kho	80	240	3	960	
4	Hộ kinh doanh Hoàng Kim Anh	14 Đặng Thái Thân	11	Phòng trọ	100	400	4	1,200	
5	Hội Quán Nghĩa An	678 Nguyễn Trãi	11	Dĩ tích, văn hóa	1,200	1,200	1	4,800	
6	Trường Mầm Non Tư Thục Việt Trung	770 Nguyễn Trãi	11	Trường học	90	240	3	895	
7	Công ty TNHH phòng khám chuyên khoa Nội và xét nghiệm Việt Thái Hòa	62 Tân Đà	11	Phòng khám	64	64	1	192	
8	Trụ sở UBND phường 11	91 - 93 Phú Đồng Thiên Vương	11	Trụ sở cơ quan	205	900	4	2,440	
9	Hội Quán Ôn Lăng	12 Lão Tử	11	Dĩ tích, văn hóa	1,250	1,250	1	4,000	

10	Hội quán Tam Sơn	118 Triệu Quang Phục	11	Di tích, văn hóa	550	670	2	2,600	
11	Công ty TNHH và thương mại Nhân Lộc	50 Kỳ Hòa	11	Kho	80	320	4	960	
12	Công ty TNHH thương mại dịch vụ sản xuất Vĩnh Lợi	53A Kỳ Hòa	11	Cơ sở dịch vụ	56	200	4	620	
13	Hộ Kinh doanh Phú Thịnh	322 Trần Hưng Đạo	11	Cơ sở dịch vụ	92	120	2	450	
14	Công ty cổ phần chăm sóc sức khỏe sinh sản Eva& Baby International	323 Hồng Bàng	11	Phòng khám	72	280	4	856	
15	Công ty TNHH thương mại Đức Kỳ	77 Kỳ Hòa	11	Cơ sở dịch vụ	66	220	4	744	
16	Công ty TNHH thương mại Sanh Kỳ	2A Phú Định	11	Cơ sở dịch vụ	64	100	2	300	
17	Chi nhánh Công ty TNHH Aplus Math	77 - 79 Ngô Quyền	11	Trường học	85	340	4	980	
18	Cửa hàng dụng cụ thể thao Quận 5	372 Trần Hưng Đạo	11	Cơ sở dịch vụ	144	144	1	560	
19	Hội quán Hải Nam	276 Trần Hưng Đạo	11	Di tích, văn hóa	140	810	7	3,340	
20	Ngân hàng TNHH INDOVINA	86 Tầng trệt, Tân Đà	11	Văn phòng, Kho	70	280	4	840	
21	Phòng khám đa khoa An Hào	107C Ngô Quyền	11	Phòng khám	88	320	4	988	
22	Công ty Cổ phần thương mại quốc tế Tokori	105 Ngô Quyền	11	Nhà hàng	120	180	2	600	
23	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	382A, B Trần Hưng Đạo	11	Cơ sở dịch vụ	100	80	4	960	
24	Cửa hàng dược liệu Đại Hùng 2	113 Triệu Quang Phục	11	Hộ kinh doanh	60	60	1	240	
25	Hộ kinh doanh Thuận Lợi	751 Nguyễn Trãi	11	Hộ kinh doanh	60	60	2	420	
26	Công ty TNHH thời trang CO MAYCA	722 Nguyễn Trãi	11	cơ sở dịch vụ	96	96	1	288	
27	Phòng cho thuê Huỳnh Thị Sáu	09/02 Mạc Thiên Tích	11	Phòng cho thuê	56	56	2	336	
28	Công ty TNHH thương mại dịch vụ Lưu Hữu Phước	353 Hồng Bàng	11	Cơ sở dịch vụ	72	72	1	216	
29	Cửa hàng dược liệu Đồng Phương	146 Lương Nhữ Học	11	Hộ kinh doanh	60	60	4	720	
30	Cửa hàng dược liệu Thiên Phú	122 Lương Nhữ Học	11	Hộ kinh doanh	60	60	2	360	
31	Phòng giao dịch Châu Văn Liêm	100 Châu Văn Liêm	11	Văn phòng	56	56	3	504	
32	Phòng giao dịch Phan Phú Tiên	222 - 224 Trần Hưng Đạo	11	Văn phòng	56	56	1	224	
33	Công ty TNHH Hào Tuấn	679 Nguyễn Trãi	11	Cơ sở dịch vụ	40	40	3	360	
34	Phòng cho thuê Vĩnh Bình	08 Đặng Thái Thân	11	Phòng cho thuê	36	36	2	216	

35	Cửa hàng Family Mart	15 Mạc Thiên Tích	11	Cơ sở dịch vụ	70	70	2	420	
36	Cửa hàng Family Mart	733 – 735 Nguyễn Trãi	11	Cơ sở dịch vụ	70	70	2	420	
37	Cửa hàng VinMart	22 Tân Đà	11	Cơ sở dịch vụ	60	60	1	189	
38	Cửa hàng VinMart	67 Ngô Quyền	11	Cơ sở dịch vụ	60	60	2	360	
39	Cửa hàng VinMart	278 Trần Hưng Đạo	11	Cơ sở dịch vụ	60	60	3	540	
40	Cửa hàng VinMart	771 – 773 Nguyễn Trãi	11	Cơ sở dịch vụ	60	60	2	360	
41	Trụ sở Công an Phường	183 Lương Nhữ Học	11	Văn phòng	80	80	4	960	
42	Cửa hàng CHEESE COFFEE SỐ 04	305A-307 Hồng Bàng	11	Cơ sở dịch vụ	100	300	3	900	
PHƯỜNG 12									
1	Công ty TNHH Bạch Long	144 Hồng Bàng	12	Bán bình ắc quy	100	600	6	1.800	
2	Công ty TNHH Vĩnh Hồng Hưng	04 Thuận Kiều	12	Văn phòng	150	300	2	900	
3	Hội quán Phước An	184 Hồng Bàng	12	Cơ sở tôn giáo	400	400	1	1.200	
4	CN Công ty TNHH MTV TM DV Duy An	189C Nguyễn Chí Thanh	12	Văn phòng	154	428	3	1.300	
5	Công ty CP Sữa Việt Nam	175 Nguyễn Chí Thanh	12	Cửa hàng bán sữa	70	190	3	570	
6	Công ty CP ô tô Gia Đình	8A Lý Thường Kiệt	12	Showroom ô tô	370	650	2	1.900	
7	Công ty CP Chạy Rầy M&C	3 Tầng Bạt Hồ	12	Phòng khám	600	600	1	1.800	
8	Hộ kinh doanh Lê Việt Vinh	72 Phạm Hữu Chí	12	Bán phụ tùng xe gắn máy	160	800	5	2.400	
9	CN Công ty TNHH văn phòng phẩm Thảo Nguyễn	18 Phó Cơ Điều	12	Bán văn phòng phẩm	135	775	6	2.400	
10	Công ty TNHH kế toán & kiểm toán Phương Nam	27 Nguyễn Kim	12	Văn phòng	60	240	4	720	
11	Phòng cho thuê Hoàng Lan	11L Bà Triệu	12	Phòng cho thuê	88	412	5	1.300	
12	Phòng cho thuê	59 Thuận Kiều	12	Phòng cho thuê	55	220	4	660	
13	Chi Nhánh DNTN Đại Hưng	262A Đỗ Ngọc Thạnh	12	Bán phụ tùng xe gắn máy	80	240	3	720	
14	Cửa hàng Chú Mộng	222-224 Đỗ Ngọc Thạnh	12	Bán vỏ xe máy	80	300	4	900	
15	Ngân hàng Sacombank	197 Nguyễn Chí Thanh	12	Văn phòng	160	160	1	480	

16	Hộ Kinh Doanh Nhi	33 Phó Cơ Điều	12	Bán bulon, ốc vít	70	120	2	360	
17	Cửa hàng Anh Em Út	92 Phạm Hữu Chí	12	Bán phụ tùng xe gắn máy	80	320	4	960	
18	Phòng cho thuê Tân Thành	12 Tân Thành	12	Phòng cho thuê	64	300	5	1.500	
19	Phòng khám Nội tổng quát	85 Phạm Hữu Chí	12	Phòng khám	60	180	3	540	
20	Ngân hàng Eximbank	73 Thuận Kiều	12	Văn phòng	80	240	3	720	
21	Công ty TNHH Thiên Thời Đại Dụng cụ Y khoa	43 - 45 Thuận Kiều	12	Bán dụng cụ y khoa	60	180	3	540	
22	Chi nhánh DNTN Hào	26 Phó Cơ Điều	12	Dịch vụ vận tải	70	460	6	1.400	
23	Công ty TNHH vật tư TNT Vạn Phước	23 Phó Cơ Điều	12	Dán decal xe máy	70	210	3	630	
24	Cửa hàng phân phối phụ tùng xe máy Phúc Minh	65 Phó Cơ Điều	12	Bán phụ tùng xe gắn máy	120	240	2	720	
25	DNTN Hùng Cường	48 Phó Cơ Điều	12	Dịch vụ vận tải	107	214	2	642	
26	Trụ sở UBND Phường 12	73-75-77 Tân Thành	12	Văn phòng	235	1.200	5	3.600	
27	BCH Quận sự Phường 12	70 Phạm Hữu Chí	12	Văn phòng	60	180	3	540	
28	Trụ sở Công an Phường 12	134 Hồng Bàng	12	Văn phòng	107	321	3	963	
29	VPDD Công ty TM Đại Phát	208C Hồng Bàng	12	Văn phòng	400	400	1	1.200	
30	Chợ Hà Tôn Quyền	165 Tân Thành	12	Chợ	2.500	2.500	1		
31	Ngân hàng EximBank	258 Hồng Bàng	12	Văn phòng	88	176	2	528	
32	Chi nhánh công ty TNHH Cửa hàng Siêu Hiện	148 Nguyễn Thị Nhỏ	12	Bán ống nước	79	79	1	237	
33	Hộ Kinh Doanh Đồng Xuyên	407 Nguyễn Chí Thanh	12	Quán ăn	63	189	3	567	
34	Quán Lẩu Vạn Hào	411-413 Nguyễn Chí Thanh	12	Quán ăn	75	150	2	450	
PHƯỜNG 13									
1	Hội quán Nghĩa Thục	27 Phan Văn Khỏe	13	văn hóa xã hội	300	300	1	1500	
2	Công Ty TNHH Hùng Khánh Hòa	209BIS Hải Thượng Lãn Ông	13	sản xuất	53	160	3	720	
3	DNTN Nguyễn Minh Trí	100 Phùng Hưng	13	kinh doanh dịch vụ	100	200	2	1200	
4	DNTN Trần Minh Hà	25 Gò Công	13	sản xuất	200	200	1	800	

5	Cty TNHH Diệu Khải Kim	209 Hải Thượng Lãn Ông	13	kinh doanh dịch vụ	65	110	2	660	
6	Trụ sở UBND Phường 13	57-59 Nguyễn Thị	13	văn phòng	120	353	4	1900	
7	Cty TNHH Lotteria Việt Nam	66 Mạc Cửu	13	kinh doanh dịch vụ	120	240	2	960	
8	Đèn LED Thảo Linh	129 Phùng Hưng	13	kinh doanh dịch vụ	60	120	2	480	
9	Ngân hàng Việt Á	207 Hải Thượng Lãn Ông	13	văn phòng	75	225	3	900	
10	Cửa hàng tiện ích SATRFOODS Hải Thượng Lãn Ông	177 Hải Thượng Lãn Ông	13	kinh doanh dịch vụ	70	140	2	560	
11	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Dũ Hưng Long	13-15 Gia Phú	13	kinh doanh dịch vụ	95	95	1	475	
12	Chi nhánh công ty cổ phần điện máy – TP. HCM	8 Vũ Chí Hiếu	13	kinh doanh dịch vụ	79	237	3	948	
13	Công ty TNHH MTV TM DV và sản xuất Hòa Dung	17 Vũ Chí Hiếu	13	kinh doanh dịch vụ	100	150	2	600	
14	Cửa hàng tiện ích FOODCOMART 37 Vạn Tượng	37 Vạn Tượng	13	kinh doanh dịch vụ	60	120	2	480	
15	Cửa Hàng Hoa Chí VT	4B Phan Văn Khỏe	13	kinh doanh dịch vụ	65	110	2	660	
16	Hộ kinh doanh Minh Huệ	12 vũ Chí Hiếu	13	kinh doanh dịch vụ	80	140	2	560	
17	Địa Điểm Kinh Doanh Chi Nhánh Công Ty TNHH Nhật Linh – Cửa hàng LIOA 119 Phùng Hưng	119 Phùng Hưng	13	kinh doanh dịch vụ	120	240	2	960	
18	Cửa Hàng Thuận Phát	33-35 Phùng Hưng	13	kinh doanh dịch vụ	80	240	3	960	
19	Cửa hàng kinh doanh sỉ và lẻ các mặt hàng nhựa gia dụng công nghiệp	331- 333 Hải Thượng Lãn Ông	13	kinh doanh dịch vụ	60	180	3	720	
20	Địa Điểm Kinh Doanh CTTNNH Một Thành Viên TMDVXNK Hoa M9 Trần-Cửa Hàng 329	329 Hải Thượng Lãn Ông	13	kinh doanh dịch vụ	53	160	3	720	
21	PCT Sông Hương	45 Vạn Kiếp	13	lưu trú	75	210	3	840	
22	Công ty TNHH Kim Minh C.L	95B Trịnh Hoài Đức	13	kinh doanh dịch vụ	200	170	2	680	
23	PGD Kim Biên	161 Hải Thượng Lãn ông	13	văn phòng	70	210	3	735	
24	Công ty TNHH Quang Toàn	49 Vạn Kiếp	13	kinh doanh dịch vụ	45	225	5	787,5	
25	Cửa hàng thực phẩm SATRAFOODS	30A Phan Văn Khỏe	13	kinh doanh dịch vụ	65	130	2	455	
26	Công ty TNHH SXTM XNK Trần Hôn	1A Phan Văn Khỏe	13	kinh doanh dịch vụ	100	200	2	1200	
PHƯỜNG 14									
1	Trường mầm non 14A	27 Học Lạc	14	Trường học	730	1787	4	5361	
2	Công ty TNHH Phong Thái	198 Hải Thượng Lãn Ông	14	Cửa hàng kinh doanh	120	360	3	1080	
3	Công ty TNHH Tân Kim Hưng	222 Hải Thượng Lãn Ông	14	Cửa hàng kinh doanh	80	400	4	1200	
4	Công ty TNHH Tân Sanh	254 Hải Thượng Lãn Ông	14	Cửa hàng kinh doanh	80	160	2	480	
5	Công ty cổ phần chiếu sáng công cộng TP. HCM	121 Châu Văn Liêm	14	Văn phòng	923	300	3	900	

6	Công ty cổ phần dược phẩm Chợ Lớn	27 Châu Văn Liêm	14	Văn phòng	150	450	3	1350	
7	Hộ kinh doanh Dân Ích	99 Châu Văn Liêm	14	Quán ăn	85	595	7	1785	
8	Cty TNHH Hưng Huệ	495 Trần Hưng Đạo	14	Cửa hàng kinh doanh	70	210	3	630	
9	Cửa hàng vải sợi Chúc 499	499 Trần Hưng Đạo	14	Cửa hàng kinh doanh	76	140	2	420	
10	DNTN Thu Hiền	550 Trần Hưng Đạo	14	Cửa hàng kinh doanh	100	200	2	500	
11	Công ty TNHH Quang Thắng	998 Nguyễn Trãi	14	Cửa hàng kinh doanh	90	360	4	1080	
12	Cty TNHH SX máy công nghiệp Tiến Đạt	942 Nguyễn Trãi	14	Cửa hàng kinh doanh	100	400	4	1200	
13	Công ty TNHH Hải Thông	912 Nguyễn Trãi	14	Cửa hàng kinh doanh	100	150	2	450	
14	Khách sạn Sao Mai	896 Nguyễn Trãi	14	Lưu trú	100	300	3	900	
15	Chung cư Đại Quang Minh	31 – 35 Châu Văn Liêm	14	Nhà tập thể	3000		4	15000	
16	Chợ Phùng Hưng	214C Phùng Hưng	14	Buôn bán	1753	1753	1	9550	
17	Khách sạn Đồng Á	228 Phùng Hưng	14	Khách sạn	175	700	4	2100	
18	PGD Phú Giáo – NH NN&PT NT VN	276 Hải Thượng Lãn Ông	14	Ngân hàng	150	490	4	1470	
19	Công ty TNHH Thái Phong	95 Trưng Tử	14	Văn phòng	60	240	4	720	
20	Công ty TNHH SX-TM Vinh Phát Đạt	78 Dương Tử Giang	14	Cửa hàng kinh doanh	90	360	4	1080	
21	Hộ kinh doanh Hưng Phát	539-541 Hồng Bàng	14	Cửa hàng kinh doanh	140	420	3	1260	
22	Cty CP chứng khoán Đề Nhất	521 Hồng Bàng	14	Văn phòng	88	352	4	1056	
23	Ngân hàng Sacombank	517 Hồng Bàng	14	Ngân hàng	106	212	2	636	
24	Cty TNHH TM Phú Phong	475 Hồng Bàng	14	Kinh doanh dịch vụ	56	224	4	672	
25	Cty TNHH Mỹ Kiến Anh	455-457 Hồng Bàng	14	Kinh doanh dịch vụ	120	240	2	720	
26	Cửa hàng Mỹ Tú	102 Trưng Tử	14	Kinh doanh dịch vụ	56	224	4	672	
27	Cty TNHH TMDV Tuyết Đào	41 Đỗ Ngọc Thanh	14	Bán vải	90	360	4	1080	
28	Công ty TNHH vải sợi Ngọc Huệ	38 Dương Tử Giang	14	Bán vải	80	320	4	960	
29	Công ty TNHH TM Anh Tài Cúc	65 Đỗ Ngọc Thanh	14	Bán vải	80	320	4	960	
30	Cửa hàng Thu Ngân	210-212 Hải Thượng Lãn Ông	14	Cửa hàng kinh doanh	120	480	4	1800	
31	Hộ kinh doanh Trần Minh Hào	35 Đỗ Ngọc Thanh	14	Cửa hàng kinh doanh	80	320	4	1200	
32	Trung tâm chăm sóc khách hàng Vinafone	01 Châu Văn Liêm	14	Văn phòng	150	300	2	900	
33	Trường mầm non Tuổi Thơ	101 Nguyễn Trãi	14	Văn phòng	250	1000	4	3000	
34	Cửa hàng Ngọc Thảo	168 Hải Thượng Lãn Ông	14	Cửa hàng kinh doanh	110	440	4	1320	
35	Cửa hàng Minh Phát	270 Hải Thượng Lãn Ông	14	Cửa hàng kinh doanh	80	480	6	1440	
36	Cửa hàng Hoàng Văn	272 Hải Thượng Lãn Ông	14	Cửa hàng kinh doanh	80	480	6	1440	
37	Ngân hàng Agribank	276 Hải Thượng Lãn Ông	14	Ngân hàng	80	320	4	960	

38	Cửa hàng Quyển Trang	278 Hải Thượng Lãn Ông	14	Cửa hàng kinh doanh	80	290	4	870	
39	Ngân Hàng Vietcombank	280-282 Hải Thượng Lãn Ông	14	Văn phòng	80	240	3	720	
40	Cửa hàng Ngọc Thủy	290 Hải Thượng Lãn Ông	14	Cửa hàng kinh doanh	75	270	4	810	
41	Cửa hàng Hiệu Điện	292A Hải Thượng Lãn Ông	14	Cửa hàng kinh doanh	50	100	2	300	
42	Sacombank chi nhánh Kim Biên	286 – 288 Hải Thượng Lãn Ông	14	Văn phòng	130	260	2	780	
43	Cửa hàng Family mart	918 Nguyễn Trãi	14	Cửa hàng bách hoá	70	70	1	210	
44	Cửa hàng hoá chất Hồng Bửu	948 Nguyễn Trãi	14	Cửa hàng kinh doanh	70	350	5	1050	
45	DNTN Thương Mại Ngọc Yến	3 Đỗ Ngọc Thạnh	14	Cửa hàng kinh doanh	20	20	1	60	
46	Trụ sở UBND Phường 14	495 Hồng Bàng	14	Trụ sở hành chính	70	210	3	630	
47	Trụ sở Công an Phường 14	568 Trần Hưng Đạo	14	Trụ sở hành chính	80	270	3	810	
48	Trụ sở BCH Quận sự Phường 14	02 Trang Tử	14	Trụ sở hành chính	60		2		
49	Đội Cảnh sát ĐTTP về TT QLKT&CV	988 Nguyễn Trãi	14	Trụ sở hành chính	96	384	4	1536	

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5



Số phiếu:
Ngày lập phiếu:

PHIẾU QUẢN LÝ CƠ SỞ

*được ban hành theo quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 136/2020/NĐ-CP
(ban hành kèm theo Kế hoạch số: 101 /KH-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Quận 5)*

I. Thông tin chung về cơ sở

1. Tên cơ sở: Điện thoại:
2. Năm đưa vào hoạt động:
3. Địa chỉ:
4. Họ, tên người đứng đầu cơ sở/người đại diện pháp luật: Điện thoại:
5. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có):
6. Lĩnh vực/ngành, nghề hoạt động của cơ sở:

II. Thông tin có liên quan đến công tác PCCC và CNCH

1. Thông tin chung về quy mô, tích chất hoạt động của cơ sở (diện tích xây dựng, số tầng, công suất hoạt động, loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở):
.....
.....
2. Đường giao thông dành cho chữa cháy:
 - Đường giao thông bên ngoài:
 - Đường giao thông bên trong:

3. Nguồn nước chữa cháy:

TT	Nguồn nước	Trữ lượng hoặc lưu lượng	Vị trí, khoảng cách nguồn nước	Lưu ý
I	Bên trong			
1				
2				
II	Bên ngoài			
1				
2				

4. Lực lượng phân công thực hiện nhiệm vụ PCCC tại cơ sở:

- Trong giờ làm việc: người; - Ngoài giờ làm việc: người

5. Số lượng phương tiện phòng cháy chữa cháy, CNCH được trang bị tại cơ sở:

STT	Tên hệ thống, phương tiện, thiết bị PCCC, cứu nạn, cứu hộ (2)	Số lượng	Vị trí bố trí, lắp đặt	Tình trạng hoạt động (bình thường/ hư hỏng)	Ghi chú
1					
...					

6. Công tác kiểm tra về PCCC và CNCH:

STT	Ngày, tháng, năm	Hình thức kiểm tra (định kỳ, đột xuất)	Số tồn tại, vi phạm về PCCC, CNCH	Biên bản vi phạm về PCCC	Quyết định xử phạt	Số tiền phạt	Quyết định tạm đình chỉ/đình chỉ hoạt động	Văn bản kiến nghị
1								
....								

7. Công tác xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (nếu có):

- Xây dựng phương án của cơ sở (thống kê phương án đang sử dụng):

STT	Loại phương án	Ngày/tháng/năm xây dựng	Cơ quan phê duyệt	Ngày/tháng/năm phê duyệt	Chỉ lý, bổ sung phương án	
					Nội dung chỉnh lý	Ngày/tháng/năm phê duyệt
1	Phương án chữa cháy					
2	Phương án CNCH					

- Thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH (chỉ thống kê lần thực tập phương án gần nhất):

STT	Loại phương án	Ngày/tháng/năm thực tập	Tình huống thực tập	Lực lượng tham gia	Phương tiện tham gia (Loại, số lượng)	Đánh giá kết quả
1	Phương án chữa cháy					
2	Phương án CNCH					

8. Tình hình cháy, nổ (thống kê trong quá trình hoạt động của cơ sở):

STT	Thời gian xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn	Hạng mục/khu vực xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn	Thiệt hại (về con người, tài sản)	Công tác xử lý sau vụ cháy (xử lý hành chính, khởi tố vụ án, khởi tố bị can)
1				

9. Những thay đổi có liên quan đến PCCC và CNCH (thống kê trong quá trình hoạt động của cơ sở):

STT	Ngày/tháng/năm	Nội dung thay đổi	Ghi chú
1			

NGƯỜI LẬP PHIẾU
(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (1): Tên UBND cấp xã quản lý cơ sở; (2): Ghi rõ tên, thống kê các thiết bị của hệ thống PCCC.